

**Phụ lục**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI,**  
**BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ LĨNH VỰC THÚ Y**  
**THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ**  
**PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH TÂY NINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

|                         |   |
|-------------------------|---|
| Mã thủ tục số 1         | 1.004918.000.00.00.H53  |
| Tên thủ tục hành chính: | <b>CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, ƯƠNG DƯỠNG GIỐNG THỦY SẢN (TRỪ CƠ SỞ SẢN XUẤT, ƯƠNG DƯỠNG GIỐNG THỦY SẢN BỐ MẸ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, ƯƠNG DƯỠNG ĐỒNG THỜI GIỐNG THỦY SẢN BỐ MẸ VÀ GIỐNG THỦY SẢN KHÔNG PHẢI LÀ GIỐNG THỦY SẢN BỐ MẸ)</b><br>(DVC trực tuyến một phần)   |
| Cấp thực hiện:          | Cấp Tỉnh  |
| Lĩnh vực:               | Thủy sản  |
| Trình tự thực hiện:     |   |
|                         | <p>- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:</p> <p>+ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></p> <p>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></p> <p>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart</p> <p>+ Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo</p> <p>- Tổ chức, cá nhân nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.</p> <p>- Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).</p> <p>*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:</p> <p><b>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</b></p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh:</p> <p>- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>+ Hồ sơ được tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp tại Trung tâm.</p> <p>+ Hồ sơ được tổ chức, cá nhân nộp trực tuyến.</p> <p>+ Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Thực hiện kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời chuyển hồ sơ để Chi cục</p> |

Chăn nuôi và Thú y - Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.

+ (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1).

**Bước 2: Giải quyết hồ sơ**

**Chi cục Chăn nuôi và Thú y**

- Văn thư Chi cục tiếp nhận hồ sơ từ nhân viên bưu điện và chuyển Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp (sau đây gọi tắt là HC, TH).

- Phân công công chức xử lý.

- Vào sổ theo dõi.

- Thẩm định, xử lý hồ sơ.

- Trình Trưởng phòng xem xét.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trong thời hạn 02 ngày làm việc, phải báo cáo Trưởng phòng HC, TH tham mưu Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y ban hành văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân.

- Trường hợp hồ sơ lệ:

**\*Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện:**

- Tiến hành kiểm tra điều kiện của cơ sở: trong thời hạn 10 ngày làm việc, xem xét, tham mưu Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện kiểm tra thực tế điều kiện của cơ sở theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP. Nội dung kiểm tra gồm:

+ Kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận;

+ Kiểm tra thực tế tại địa điểm sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo quy định tại Điều 23, khoản 1 Điều 24 Luật Thủy sản và Điều 20 Nghị định số 26/2019/NĐ;

+ Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ trong sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo khoản 2 Điều 26 Luật Thủy sản.

(Trường hợp thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức kiểm tra, đánh giá thực tế tại cơ sở để cấp giấy phép, giấy chứng nhận:

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y áp dụng hình thức đánh giá trực tuyến khi cơ sở đáp ứng yêu cầu về nguồn lực, phương tiện kỹ thuật thực hiện; cơ sở cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan bằng bản giấy hoặc bản điện tử cho cơ quan kiểm tra hoặc tạm hoãn hoặc gia hạn có thời hạn giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản chấp thuận, thời hạn kiểm tra duy trì.

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức đánh giá sự phù hợp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, tài liệu, hình ảnh, hồ sơ cung cấp cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y. Việc kiểm tra đánh giá thực tế sẽ được thực hiện sau khi các địa phương kiểm soát được thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật; thực hiện thu hồi ngay giấy phép đối với trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật).

- Trường hợp không đáp ứng điều kiện, cơ sở thực hiện khắc phục; sau khi khắc phục có văn bản thông báo đến Chi cục Chăn nuôi và Thú y để tổ chức kiểm tra nội dung đã khắc phục.

- Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện: trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, Chi cục Chăn nuôi và Thú y cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

**\*Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện:**

Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện: trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

hợp lệ, Chi cục Chăn nuôi và Thú y cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

**\* Kết quả:**

+ Bản giấy được gửi cho nhân viên bưu điện chuyển đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và lưu trữ theo quy định tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

+ Bản điện tử được lưu trữ trong kho dữ liệu của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Cổng dịch vụ công quốc gia.

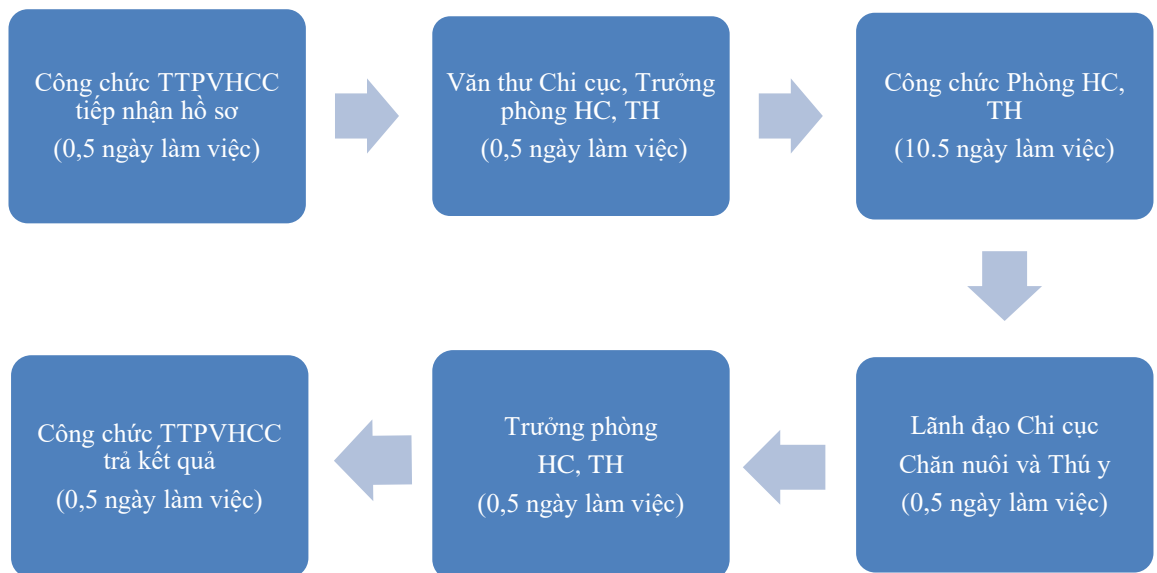
**Bước 3: Trả kết quả**

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Trung tâm chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.

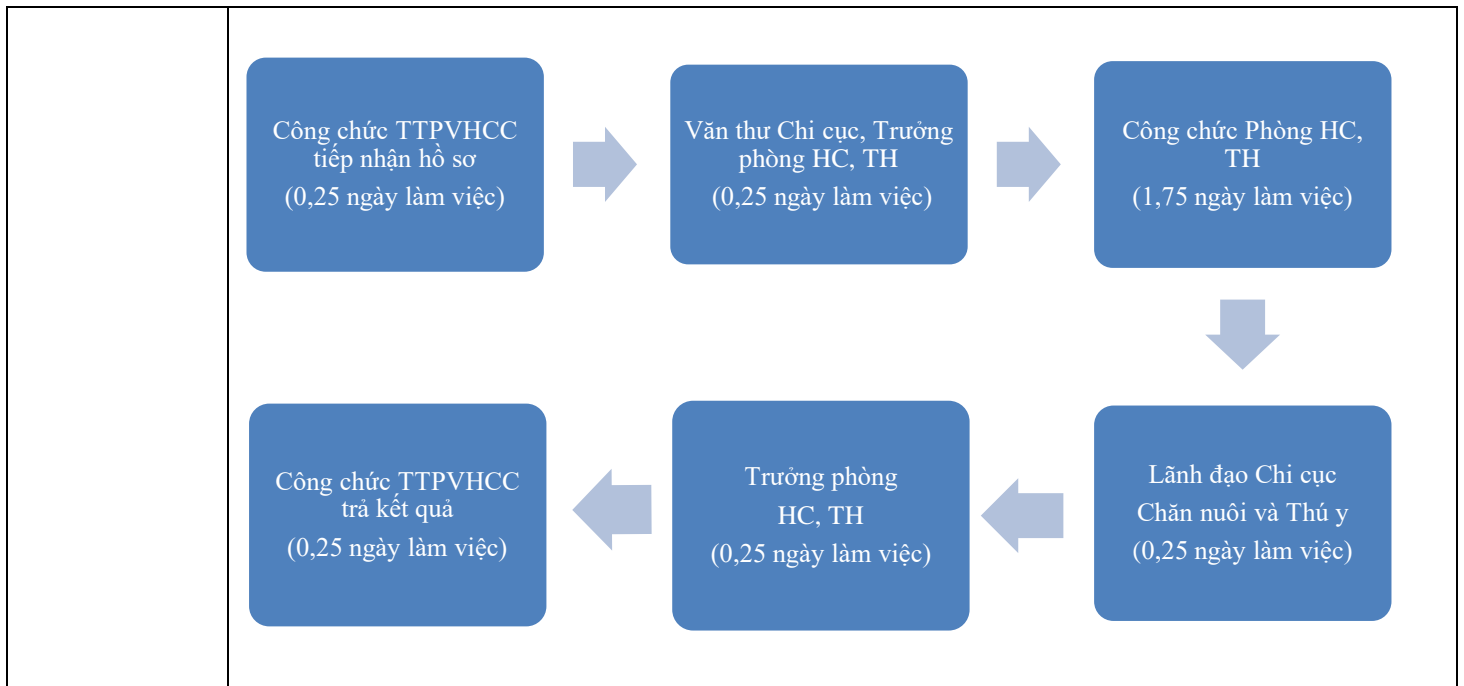
**Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu.

**\* Sơ đồ quy trình**

- Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện:



- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện:



### CÁCH THỨC THỰC HIỆN:

| Hình thức nộp     | Thời hạn giải quyết  | Phí, lệ phí  | Mô tả  |
|-------------------|--|--|--|
| Trực tiếp         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp cấp mới: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Đối với trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> </ul> | Chưa có văn bản quy định   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.</li> </ul>  |
| Trực tuyến        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp cấp mới: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Đối với trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> </ul> | Chưa có văn bản quy định   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:</li> <li>+ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></li> <li>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></li> <li>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart</li> <li>+ Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo</li> </ul> |
| Dịch vụ bưu chính | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp cấp mới: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Đối với trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> </ul> | Chưa có văn bản quy định<br>(Ghi chú: Nộp phí sử dụng dịch vụ bưu chính) | Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.   |

Thành phần hồ sơ

| Tên giấy tờ  |  | Mẫu đơn, tờ khai  | Số lượng      |                  |  |
|--|--|---|---------------|------------------|--|
| <p><b>* Trường hợp cấp mới:</b></p> <p>a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</p> <p>b) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</p> <p><b>* Trường hợp cấp lại:</b></p> <p>a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</p> <p>b) Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân;</p> <p>c) Bản chính Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản đã được cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất.</p> |  | <p>- Đơn đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</p> <p>- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.</p> | 01 bộ         |                  |  |
| Đối tượng thực hiện:   |  | Tổ chức, cá nhân  |               |                  |  |
| Mô tả đối tượng thực hiện:   |  |   |               |                  |  |
| Cơ quan thực hiện:   |  | Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.   |               |                  |  |
| Cơ quan có thẩm quyền:   |  | Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.   |               |                  |  |
| Cơ quan phối hợp:  |  |   |               |                  |  |
| Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:   |  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh).   |               |                  |  |
| Kết quả thực hiện  |  |   |               |                  |  |
| Mã tài liệu  |  | Tên kết quả   | Tệp đính kèm  |                  |  |
|  |  | Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.   |               |                  |  |
| Căn cứ pháp lý   |  |   |               |                  |  |
| Số văn bản   | Tên văn bản  | Ngày văn bản  | Ngày hiệu lực | Cơ quan ban hành |  |
| 18/2017/QH14   | - Luật Thủy sản năm 2017.  | 21/11/2017  | 01/01/2019    | Quốc hội         |  |
| 26/2019/NĐ-CP  | - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và | 08/3/2019   | 25/4/2019     | Chính phủ        |  |

|                                      |   |   |            |           |
|--------------------------------------|---|---|------------|-----------|
|                                      | biện pháp thi hành Luật Thủy sản.   |   |            |           |
| 105/2022/NĐ-CP                       | - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  | 22/12/2022  | 15/01/2023 | Chính phủ |
| 37/2024/NĐ-CP                        | - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. | 04/4/2024   | 19/5/2024  | Chính phủ |
| <b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện:</b> |   | <p>Tổ chức, cá nhân sản xuất giống thủy sản được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện khi đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ sản xuất phù hợp với loài thủy sản; có nơi cách ly theo dõi sức khỏe giống thủy sản mới nhập (Hệ thống xử lý nước cấp, nước thải và hệ thống ao, bể, lồng bè bảo đảm yêu cầu kiểm soát chất lượng và an toàn sinh học; khu chứa trang thiết bị, nguyên vật liệu bảo đảm yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, nhà cung cấp; khu sinh hoạt bảo đảm tách biệt với khu vực sản xuất, ương dưỡng; Trang thiết bị bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học; thiết bị thu gom và xử lý chất thải không ảnh hưởng xấu đến khu vực sản xuất, ương dưỡng);</li> <li>- Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản hoặc sinh học;</li> <li>- Áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học (Phải xây dựng và áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, kiểm soát an toàn sinh học bao gồm các nội dung: Nước phục vụ sản xuất, ương dưỡng; giống thủy sản trong quá trình sản xuất; vệ sinh, thu gom và xử lý nước thải, chất thải; tiêu hủy xác động vật thủy sản chết hoặc nhiễm các bệnh phải tiêu hủy; kiểm soát giống thủy sản thoát ra môi trường bên ngoài, động vật gây hại xâm nhập vào cơ sở; thức ăn, thuốc, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản).</li> </ul> |            |           |
| <b>Thành phần hồ sơ lưu</b>          |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan;</li> <li>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;</li> <li>- Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ (nếu có);</li> <li>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có).</li> </ul>   |            |           |
| <b>Thời gian lưu và nơi lưu</b>      |   | <p>Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại Phòng HC, TH thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y, thời gian lưu 01 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Văn thư Chi cục Chăn nuôi và Thú y, lưu trữ theo quy định hiện hành.</p>  |            |           |

**Phụ lục I**  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT,**  
**ƯƠNG DƯỠNG GIỐNG THỦY SẢN**

*(Kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)*

**TÊN CƠ SỞ**

Số: ....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất,**  
**ương dưỡng giống thủy sản**

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

1. Tên cơ sở: .....
- Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có): .....
- Địa chỉ trụ sở: .....
- Số điện thoại: ..... Số Fax: .....E-mail: .....
- Địa chỉ nơi sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản: .....
- Số điện thoại: ..... Số Fax: .....E-mail: .....

2. Đăng ký công nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản:

| TT  | Loài thủy sản (tên tiếng Việt, tên khoa học) | Đăng ký                           |                         | Hình thức sản xuất, công suất thiết kế                                |   |
|-----|--|-----------------------------------|-------------------------|---|---|
|     |  | Sản xuất, ương dưỡng (đánh dấu X) | Ương dưỡng (đánh dấu X) | Sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ (triệu con/năm hoặc kg/năm) | Sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống bố mẹ) (triệu con/năm hoặc kg/năm) |
| 1   |  |                                   |                         |   |   |
| 2   |  |                                   |                         |   |   |
| ... |  |                                   |                         |   |   |

3. Hồ sơ và tài liệu kèm theo đơn này, gồm:

- Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản;

- .....

4. Đăng ký cấp lần đầu (*hoặc thay đổi, bổ sung điều kiện sản xuất*):

5. Đăng ký cấp bổ sung giống thủy sản sản xuất, ương dưỡng:

6. Đăng ký cấp lại:

Lý do cấp lại: .....

Chúng tôi cam kết thực hiện các quy định về điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản; duy trì và chấp hành việc kiểm tra duy trì điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản và nộp phí, lệ phí kiểm tra điều kiện và kiểm tra duy trì điều kiện theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: Tại cơ sở.

....., ngày ... tháng ... năm .....

**CHỦ CƠ SỞ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**Phụ lục II**  
**BẢN THUYẾT MINH**  
**ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, ƯƠNG DƯỠNG GIỐNG THỦY SẢN**  
(Kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH**  
**Điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản**

1. Tên cơ sở: .....
- Địa chỉ trụ sở: .....
- Số điện thoại: ..... Số Fax: .....Email: .....
- Địa chỉ nơi sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản: .....
- Số điện thoại: ..... Số Fax: .....Email: .....
2. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn (nếu có):

| TT | Tên tiêu chuẩn được chứng nhận | Tên tổ chức chứng nhận | Hiệu lực của Giấy chứng nhận | Nội dung chứng nhận |
|----|--------------------------------|------------------------|------------------------------|---------------------|
| 1  |                                |                        |                              |                     |
| 2  |                                |                        |                              |                     |
| 3  |                                |                        |                              |                     |

*(gửi kèm theo bản sao có xác nhận của cơ sở)*

3. Thuyết minh chi tiết về điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản:
- a) Địa điểm sản xuất, ương dưỡng (mô tả vị trí, diện tích, hiện trạng xung quanh):
- b) Cơ sở sản xuất, trang thiết bị (mô tả trang thiết bị phục vụ sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản):
- c) Hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học (mô tả quá trình kiểm soát, tiêu chuẩn áp dụng: nước phục vụ sản xuất, ương dưỡng; giống thủy sản trong quá trình sản xuất; vệ sinh, thu gom và xử lý nước thải, chất thải; tiêu hủy xác động vật thủy sản chết hoặc nhiễm các bệnh phải tiêu hủy; kiểm soát giống thủy sản thoát ra môi trường bên ngoài, động vật gây hại xâm nhập vào cơ sở).

d) Nhân viên kỹ thuật (mô tả số lượng, trình độ chuyên môn của người tham gia trực tiếp sản xuất, quản lý chất lượng):

4. Tài liệu gửi kèm theo thuyết minh gồm.

- Sơ đồ mặt bằng của cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (nếu có);

- Hồ sơ, tài liệu hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học;

- Hồ sơ nhân viên kỹ thuật;

- Biên bản tự đánh giá của cơ sở để xác định sự phù hợp với các quy định điều kiện tương ứng (nếu có).

....., ngày .... tháng ... năm .....

**CHỦ CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu nếu có)*

**Phụ lục III**  
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT,**  
**ƯƠNG DƯỠNG GIỐNG THỦY SẢN**

*(Kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH  
TÂY NINH  
CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**Đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản**  
**Số: GTSAABBBB**

Tên cơ sở: .....  
Địa chỉ trụ sở: .....  
Số điện thoại: ..... Số Fax: ..... Email: .....  
Địa chỉ sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản: .....

**Được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng:**

.....  
.....

Hiệu lực Giấy chứng nhận đủ điều kiện: Không thời hạn.

Cấp lần đầu ngày...../...../.....;  
Cấp lại hoặc thay đổi lần thứ.....  
ngày...../...../..... theo Quyết định số...../.....-.....  
ngày...../...../..... của Chi cục Chăn nuôi và  
Thú y

....., ngày .... tháng.... năm....

**THỦ TRƯỞNG**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Phụ lục IV**  
**MẪU QUYẾT ĐỊNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT,**  
**ƯƠNG DƯỠNG GIỐNG THỦY SẢN**  
*(Kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH  
TÂY NINH  
**CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-CCCN&TY

Tây Ninh, ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Cấp, cấp lại (hoặc thu hồi) Giấy chứng nhận**  
**cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản**

**CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y**

*Căn cứ Quyết định ..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của .....*;

*Căn cứ Nghị định số ...../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;*

*Căn cứ Biên bản kiểm tra điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản số ...../BB-GTS .....*;

*Theo đề nghị của .....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp, cấp lại (hoặc thu hồi) giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản, cụ thể:

1. Tên cơ sở: .....
2. Địa chỉ trụ sở: .....
3. Địa chỉ sản xuất, ương dưỡng: .....
4. Số điện thoại: ..... Số Fax: .....Email.....
5. Đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng (hoặc thu hồi Giấy chứng nhận số....ngày...tháng...năm)\*: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** .....; Thủ trưởng các đơn vị liên quan; tổ chức/cá nhân..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CSDL thủy sản;
- Lưu: VT, .....

**THỦ TRƯỞNG**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

|                         |  |
|-------------------------|--|
| <b>Mã thủ tục số 2</b>  | <b>1.004915.000.00.00.H53</b>  |
| Tên thủ tục hành chính: | <b>CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THỨC ĂN THỦY SẢN, SẢN PHẨM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN (TRỪ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI)</b><br>(DVCTT một phần)  |
| Cấp thực hiện:          | Cấp tỉnh   |
| Lĩnh vực:               | Thủy sản   |
| Trình tự thực hiện:     |  |
|                         | <p>- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:</p> <p>+ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></p> <p>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></p> <p>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart</p> <p>+ Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo</p> <p>- Tổ chức, cá nhân nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.</p> <p>- Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).</p> <p>*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:</p> <p><b>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</b></p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh:</p> <p>- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>+ Hồ sơ được tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp tại Trung tâm.</p> <p>+ Hồ sơ được tổ chức, cá nhân nộp trực tuyến.</p> <p>+ Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Thực hiện kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời chuyển hồ sơ để Chi cục Chăn nuôi và Thú y - Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>+ (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1).</p> <p><b>Bước 2: Giải quyết hồ sơ</b></p> <p><b>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</b></p> |

- Văn thư Chi cục tiếp nhận hồ sơ từ nhân viên bưu điện và chuyển Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp (sau đây gọi tắt là HC, TH).
- Phân công công chức xử lý.
- Vào sổ theo dõi.
- Thẩm định, xử lý hồ sơ.
- Trình Trưởng phòng xem xét.
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trong thời hạn 02 ngày làm việc, phải báo cáo Trưởng phòng HC, TH tham mưu Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y ban hành văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân.
- Trường hợp hồ sơ lệ:
  - \* Trường hợp cấp mới:**
    - Tiến hành kiểm tra điều kiện của cơ sở: trong thời hạn 10 ngày làm việc, xem xét, tham mưu Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện kiểm tra điều kiện của cơ sở sản xuất và lập biên bản kiểm tra theo Mẫu số 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP. Nội dung kiểm tra gồm:
      - + Kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản;
      - + Kiểm tra thực tế về điều kiện cơ sở tại địa điểm sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP và Điều 32 Luật Thủy sản.
      - + Kiểm tra về việc thực hiện nghĩa vụ trong sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo khoản 1 Điều 37 Luật Thủy sản.
    - Trường hợp cơ sở không đáp ứng điều kiện, cơ sở thực hiện khắc phục, sau khi khắc phục có văn bản thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để tổ chức kiểm tra nội dung đã khắc phục.  
(Trường hợp thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức kiểm tra, đánh giá thực tế tại cơ sở để cấp giấy phép, giấy chứng nhận:
      - Chi cục Chăn nuôi và Thú y áp dụng hình thức đánh giá trực tuyến khi cơ sở đáp ứng yêu cầu về nguồn lực, phương tiện kỹ thuật thực hiện; cơ sở cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan bằng bản giấy hoặc bản điện tử cho cơ quan kiểm tra hoặc tạm hoãn hoặc gia hạn có thời hạn giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản chấp thuận, thời hạn kiểm tra duy trì.
      - Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức đánh giá sự phù hợp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, tài liệu, hình ảnh, hồ sơ cung cấp cho cơ quan cấp phép. Việc kiểm tra đánh giá thực tế sẽ được thực hiện sau khi các địa phương kiểm soát được thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật; thực hiện thu hồi ngay giấy phép đối với trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.)
    - Cấp Giấy chứng nhận: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, Chi cục Chăn nuôi và Thú y cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 09 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
  - \* Trường hợp cấp lại:**

Cấp Giấy chứng nhận: trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Chăn nuôi và Thú y cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 09 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
  - \* Kết quả:**
    - + Bản giấy được gửi cho nhân viên bưu điện chuyển đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và lưu trữ theo quy định tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y.
    - + Bản điện tử được lưu trữ trong kho dữ liệu của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Cổng dịch vụ công quốc gia.

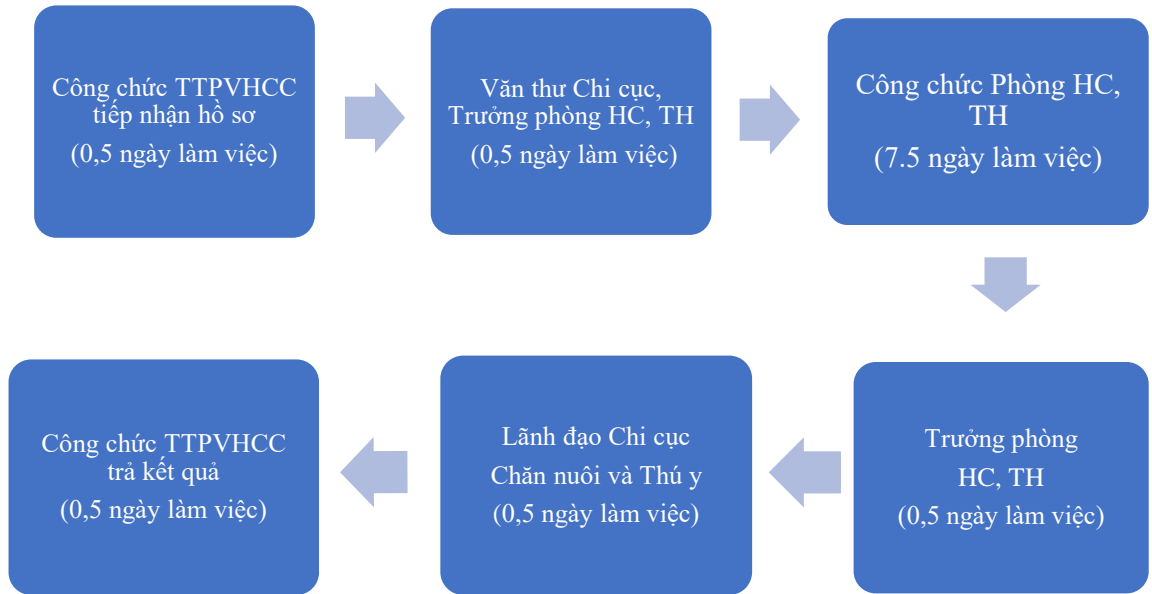
**Bước 3: Trả kết quả**

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Trung tâm chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.

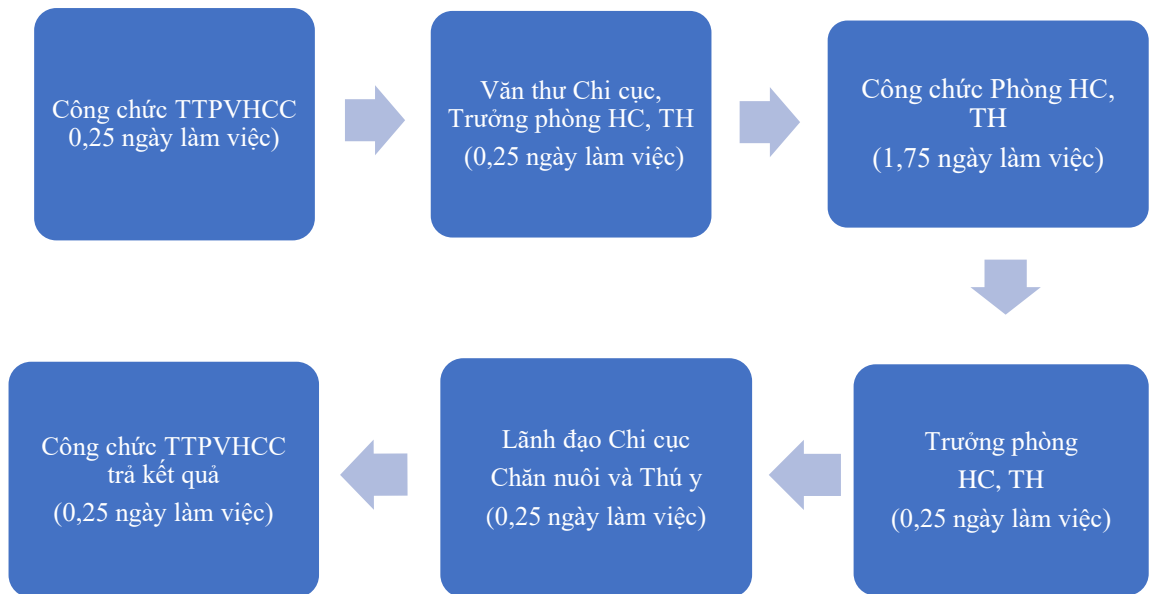
**Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu.

**\* Sơ đồ quy trình**

- Trường hợp cấp mới:



- Trường hợp cấp lại:



**CÁCH THỨC THỰC HIỆN:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
|---------------|---------------------|-------------|-------|
|---------------|---------------------|-------------|-------|

|                   |  |   |  |
|-------------------|--|---|--|
| Trực tiếp         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp cấp mới: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Đối với trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> </ul> | Mức thu phí 5.700.000 đồng/lần.<br>(Mức phí trên chưa bao gồm chi phí đi lại của đoàn đánh giá. Chi phí đi lại do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định chi trả theo thực tế, phù hợp với quy định).   | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.  |
| Trực tuyến        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp cấp mới: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Đối với trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> </ul> | Mức thu phí 5.700.000 đồng/lần.<br>(Mức phí trên chưa bao gồm chi phí đi lại của đoàn đánh giá. Chi phí đi lại do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định chi trả theo thực tế, phù hợp với quy định).   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:</li> <li>+ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></li> <li>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></li> <li>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart</li> <li>+ Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo</li> </ul> |
| Dịch vụ bưu chính | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp cấp mới: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Đối với trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> </ul> | Mức thu phí 5.700.000 đồng/lần.<br>(Mức phí trên chưa bao gồm chi phí đi lại của đoàn đánh giá. Chi phí đi lại do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định chi trả theo thực tế, phù hợp với quy định).<br><br>(Ghi chú: Nộp phí sử dụng dịch vụ bưu chính) | Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.   |

Thành phần hồ sơ

| Tên giấy tờ  | Mẫu đơn, tờ khai   | Số lượng |
|--|--|----------|
| <p><b>* Trường hợp cấp mới:</b></p> <p>a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</p> <p>b) Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất theo Mẫu số 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</p> <p><b>* Trường hợp cấp lại:</b></p> <p>a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP</p> <p>b) Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân trong Giấy chứng nhận;</p> <p>c) Bản chính Giấy chứng nhận cơ sở đủ</p> | <p>a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</p> <p>b) Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất theo Mẫu số 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.</p> | 01 bộ.   |



|  |   |   |               |                  |
|--|---|---|---------------|------------------|
| điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã được cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất. |   |   |               |                  |
| Đối tượng thực hiện:   |   | Tổ chức, cá nhân  |               |                  |
| Mô tả đối tượng thực hiện:   |   |   |               |                  |
| Cơ quan thực hiện:   |   | Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.   |               |                  |
| Cơ quan có thẩm quyền:   |   | Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.   |               |                  |
| Cơ quan phối hợp:  |   |   |               |                  |
| Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:   |   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh).   |               |                  |
| Kết quả thực hiện  |   |   |               |                  |
| Mã tài liệu  |   | Tên kết quả   | Tệp đính kèm  |                  |
|  |   | Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 09 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.  |               |                  |
| Căn cứ pháp lý   |   |   |               |                  |
| Số văn bản   | Tên văn bản   | Ngày văn bản  | Ngày hiệu lực | Cơ quan ban hành |
| 18/2017/QH14   | - Luật Thủy sản năm 2017.   | 21/11/2017  | 01/01/2019    | Quốc hội         |
| 26/2019/NĐ-CP  | - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.  | 08/3/2019   | 25/4/2019     | Chính phủ        |
| 105/2022/NĐ-CP   | - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  | 22/12/2022  | 15/01/2023    | Chính phủ        |
| 37/2024/NĐ-CP  | - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. | 04/4/2024   | 19/5/2024     | Chính phủ        |
| 112/2021/TT-BTC  | - Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực quản lý nuôi trồng thủy sản   | 15/12/2021  | 01/02/2022    | Bộ Tài chính     |
| Yêu cầu, điều kiện thực hiện:  |   | Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản khi đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>- Địa điểm sản xuất nằm trong khu vực không bị ô nhiễm bởi chất thải nguy hại, hoá chất độc hại;<br>- Khu sản xuất có tường, rào ngăn cách với bên ngoài;<br>- Nhà xưởng, trang thiết bị phù hợp với từng loại sản phẩm (Có nhà xưởng kết cấu vững chắc, nền không đọng nước, liên thông và một chiều từ nguyên |               |                  |

|  |  |
|--|--|
|  | <p>liệu đến thành phẩm; tường, trần, vách ngăn, cửa bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học; khu chứa trang thiết bị, nguyên liệu vật liệu, thành phẩm bảo đảm không nhiễm chéo lẫn nhau và bảo đảm theo yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, cung cấp; Trang thiết bị tiếp xúc với nguyên liệu, thành phẩm bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học; thiết bị thu gom và xử lý chất thải không gây ô nhiễm môi trường khu vực sản xuất. Trường hợp cơ sở sản xuất sinh khối vi sinh vật để sản xuất chế phẩm sinh học, vi sinh vật phải có thiết bị tạo môi trường, lưu giữ và nuôi cấy vi sinh vật);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có điều kiện phân tích chất lượng trong quá trình sản xuất (Có phòng thử nghiệm hoặc có thuê phòng thử nghiệm đủ năng lực để kiểm tra chất lượng trong quá trình sản xuất);</li> <li>- Áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học (Phải xây dựng và áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học cho từng loại sản phẩm gồm các nội dung: nước phục vụ sản xuất; nguyên liệu, bao bì, thành phẩm; quá trình sản xuất; tái chế; lưu mẫu; kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh thiết bị; kiểm soát động vật gây hại; vệ sinh nhà xưởng, thu gom và xử lý chất thải);</li> <li>- Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, sinh học, hoá học hoặc công nghệ thực phẩm.</li> </ul> |
| <p><b>Thành phần hồ sơ lưu</b></p>     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan;</li> <li>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;</li> <li>- Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ (nếu có);</li> <li>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có).</li> </ul>  |
| <p><b>Thời gian lưu và nơi lưu</b></p> | <p>Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại Phòng HC, TH thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y, thời gian lưu 01 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Văn thư Chi cục Chăn nuôi và Thú y, lưu trữ theo quy định hiện hành.</p>   |

**Phụ lục I**  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THỨC ĂN**  
**THỦY SẢN, SẢN PHẨM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**  
(Kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)

**TÊN CƠ SỞ**

Số: ....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y Tây Ninh

1. Tên cơ sở: .....  
- Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....  
- Địa chỉ trụ sở: .....  
- Số điện thoại: ..... Số Fax: ..... E-mail: .....

2. Đề nghị kiểm tra, thẩm định, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản:

a) Thức ăn thủy sản

| TT | Loại sản phẩm   | Dạng sản phẩm, công suất thiết kế |   |
|----|---|-----------------------------------|---|
|    |   | Dạng sản phẩm                     | Công suất thiết kế (tấn/năm hoặc m <sup>3</sup> /năm) |
| 1  | Thức ăn hỗn hợp   |                                   |   |
| -  | Thức ăn hỗn hợp cho giáp xác  |                                   |   |
| -  | Thức ăn hỗn hợp cho cá, ếch, ba ba, lươn...   |                                   |   |
| -  | Thức ăn hỗn hợp cho động vật thủy sản làm cảnh  |                                   |   |
| -  | Thức ăn hỗn hợp khác (thức ăn cho con giống và ấu trùng động vật thủy sản, thức ăn nuôi vỗ thủy sản bố mẹ, môi câu....) |                                   |   |

|   |  |  |  |
|---|--|--|--|
| 2 | Thức ăn bổ sung (chất bổ sung)                     |  |  |
| - | Chế phẩm sinh học, vi sinh vật                     |  |  |
| - | Hỗn hợp khoáng, vitamin,...                        |  |  |
| - | Thức ăn bổ sung khác                               |  |  |
| 3 | Thức ăn tươi, sống                                 |  |  |
| 4 | Nguyên liệu ( <i>nêu cụ thể loại nguyên liệu</i> ) |  |  |

b) Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

| TT | Loại sản phẩm   | Dạng sản phẩm, công suất thiết kế |  |
|----|---|-----------------------------------|--|
|    |   | Dạng sản phẩm                     | Công suất thiết kế ( <i>tấn/năm hoặc m<sup>3</sup>/năm</i> ) |
| 1  | Hoá chất  |                                   |  |
| 2  | Chế phẩm sinh học, vi sinh vật  |                                   |  |
| 3  | Chất xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (Khoáng tự nhiên, khoáng nhân tạo, hỗn hợp khoáng, vitamin,...) |                                   |  |
| 4. | Sản phẩm khác   |                                   |  |

c) Sản phẩm sử dụng cho cả 2 mục đích: Bổ sung thức ăn và xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

| TT | Loại sản phẩm                   | Dạng sản phẩm, công suất thiết kế |  |
|----|---------------------------------|-----------------------------------|--|
|    |                                 | Dạng sản phẩm                     | Công suất thiết kế ( <i>tấn/năm hoặc m<sup>3</sup>/năm</i> ) |
| 1  | Chế phẩm sinh học, vi sinh vật. |                                   |  |
| 2  | Hỗn hợp khoáng, vitamin, ...    |                                   |  |

3. Hồ sơ và tài liệu kèm theo đơn này, gồm:

- Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

- .....

4. Đăng ký cấp lần đầu (hoặc khi thay đổi, bổ sung điều kiện sản xuất):

5. Đăng ký cấp lại:

Lý do cấp lại: .....

Chúng tôi cam kết thực hiện các quy định về điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; duy trì và chấp hành việc kiểm tra duy trì điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản và nộp phí, lệ phí kiểm tra điều kiện và kiểm tra duy trì điều kiện theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: Tại cơ sở.

....., ngày ... tháng ... năm .....

**CHỦ CƠ SỞ**

(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục II**  
**BẢN THUYẾT MINH**  
**ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT THỨC ĂN THỦY SẢN,**  
**SẢN PHẨM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**  
*(Kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH**  
**Điều kiện cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản,**  
**sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**

1. Tên cơ sở: .....
- Địa chỉ sản xuất: .....
- Số điện thoại: ..... Số Fax: .....E-mail: .....
2. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn (nếu có):

| TT | Tên tiêu chuẩn được chứng nhận | Tên tổ chức chứng nhận | Hiệu lực của Giấy chứng nhận | Nội dung chứng nhận |
|----|--------------------------------|------------------------|------------------------------|---------------------|
| 1  |                                |                        |                              |                     |
| 2  |                                |                        |                              |                     |
| 3  |                                |                        |                              |                     |

*(Gửi kèm theo bản sao có xác nhận của cơ sở)*

3. Thuyết minh chi tiết điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

a) Địa điểm sản xuất, khu sản xuất (mô tả diện tích, vị trí, hiện trạng môi trường xung quanh, biện pháp kiểm soát các yếu tố gây ô nhiễm từ bên ngoài):

b) Nhà xưởng, trang thiết bị (sơ đồ bố trí nhà xưởng, mô tả tóm tắt thiết bị, dây chuyền):

c) Năng lực phân tích chất lượng trong quá trình sản xuất (mô tả năng lực kiểm nghiệm, thử nghiệm để thực hiện kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất):

d) Hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học (mô tả quá trình kiểm soát, tiêu chuẩn áp dụng: nước phục vụ sản xuất; nguyên liệu, bao bì, thành phẩm; quá trình sản xuất; tái chế; lưu mẫu; kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh thiết bị; kiểm soát động vật gây hại; vệ sinh nhà xưởng, thu gom và xử lý chất thải):

đ) Nhân viên kỹ thuật (*mô tả số lượng, trình độ chuyên môn nhân viên kỹ thuật tham gia trực tiếp sản xuất, quản lý chất lượng*):

4. Tài liệu gửi kèm theo thuyết minh gồm:

- Danh sách hồ sơ, tài liệu của hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học (*tên tài liệu, mã số/ký hiệu, ngày tháng năm ban hành*);

- Danh sách nhân viên kỹ thuật (*họ và tên, chuyên môn đào tạo, bằng cấp, vị trí công việc*);

- Biên bản tự đánh giá của cơ sở để xác định sự phù hợp với các quy định điều kiện tương ứng (*nếu có*).

5. Sản phẩm dự kiến sản xuất:

a) Sản phẩm .....

- Thành phần:

- Đặc tính, công dụng:

- Hướng dẫn sử dụng:

- Đối tượng sử dụng (loài thủy sản):

b) Sản phẩm .....

.....

**Nơi nhận:**

- .....
- .....
- Lưu: tại cơ sở.

....., ngày ... tháng ... năm .....

**CHỦ CƠ SỞ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Phụ lục III**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THỨC ĂN THỦY SẢN,**  
**SẢN PHẨM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**  
*(Kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH  
TÂY NINH  
CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**Đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản,**  
**sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**  
**Số: TSAABBBB**

Tên cơ sở: .....  
Địa chỉ trụ sở: .....  
Số điện thoại: ..... Số Fax: .....  
Địa chỉ sản xuất: .....  
Số điện thoại: ..... Số Fax: .....

**Được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất:**

.....  
.....

Hiệu lực Giấy chứng nhận đủ điều kiện: Không thời hạn

Cấp lần đầu ngày...../...../.....; cấp lại  
hoặc thay đổi lần thứ..... ngày...../...../..... theo  
Quyết định số...../QĐ-CCCN&TY  
ngày...../...../..... của Chi cục Chăn nuôi và Thú y

....., ngày .... tháng.... năm....  
**THỦ TRƯỞNG**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*



**Phụ lục IV**

**MẪU QUYẾT ĐỊNH CẤP, CẤP LẠI HOẶC THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN**  
(Kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH  
TÂY NINH  
**CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-CCCN&TY

Tây Ninh, ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Cấp, cấp lại (hoặc thu hồi) giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH.....**

Căn cứ Quyết định ..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của .....

Căn cứ Nghị định số ...../NĐ-CP ngày ... tháng ....năm .... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Biên bản kiểm tra điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản số ...../BB-ĐK SX .....

Theo đề nghị của .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp, cấp lại (hoặc thu hồi) giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, cụ thể:

1. Tên cơ sở: .....

2. Địa chỉ sản xuất: .....

3. Đủ điều kiện sản xuất hoặc bổ sung, điều chỉnh (hoặc thu hồi Giấy chứng nhận số....ngày...tháng... năm....): Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** .....; Thủ trưởng các đơn vị liên quan; Công ty ..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CSDL thủy sản;
- Lưu: VT, .....

**THỦ TRƯỞNG**

**NỘI DUNG CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THỨC ĂN THỦY SẢN,**  
**SẢN PHẨM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**  
*(Kèm theo Quyết định số ..../QĐ..... ngày ... tháng ... năm ... của .....)*

1. Số Giấy chứng nhận:
2. Cấp lần đầu hoặc cấp lại (thay đổi, bổ sung):
3. Nội dung chứng nhận:

| TT | Loại sản phẩm                                 | Số dây chuyền, thiết bị (*) | Thời hạn kiểm tra duy trì<br>(12 tháng/<br>24 tháng) | Dạng sản phẩm, công suất thiết kế |   | Ghi chú<br><i>(nội dung thay đổi, bổ sung)</i> |
|----|---|-----------------------------|--|-----------------------------------|---|--|
|    |   |                             |  | Dạng sản phẩm                     | Công suất thiết kế (tấn/năm hoặc m <sup>3</sup> /năm) |  |
| 1  | Thức ăn hỗn hợp                               |                             |  |                                   |   |  |
| -  |   |                             |  |                                   |   |  |
| -  |   |                             |  |                                   |   |  |
| 2  | Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản |                             |  |                                   |   |  |
| -  |   |                             |  |                                   |   |  |
| -  |   |                             |  |                                   |   |  |

|                         |  |
|-------------------------|--|
| Mã thủ tục số 3         | 1.004913.000.00.00.H53   |
| Tên thủ tục hành chính: | <b>CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN (THEO YÊU CẦU)</b><br>(DVCTT một phần)   |
| Cấp thực hiện:          | Cấp tỉnh   |
| Lĩnh vực:               | Thủy sản   |
| Trình tự thực hiện:     |  |
|                         | <p>- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:</p> <p>+ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></p> <p>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></p> <p>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart</p> <p>+ Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo</p> <p>- Tổ chức, cá nhân nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.</p> <p>- Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).</p> <p>*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:</p> <p><b>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</b></p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh:</p> <p>- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>+ Hồ sơ được tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp tại Trung tâm.</p> <p>+ Hồ sơ được tổ chức, cá nhân nộp trực tuyến.</p> <p>+ Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Thực hiện kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời chuyển hồ sơ để Chi cục Chăn nuôi và Thú y - Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>+ (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1).</p> <p><b>Bước 2: Giải quyết hồ sơ</b></p> <p><b>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</b></p> <p>- Văn thư Chi cục tiếp nhận hồ sơ từ nhân viên bưu điện và chuyển Trưởng phòng <b>Hành chính, Tổng</b></p> |

hợp(sau đây gọi tắt là HC, TH).

- Phân công công chức xử lý.
- Vào sổ theo dõi.
- Thẩm định, xử lý hồ sơ.
- Trình Trưởng phòng xem xét.
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trong thời hạn 02 ngày làm việc, phải báo cáo Trưởng phòng HC, TH tham mưu Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y ban hành văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân.
- Trường hợp hồ sơ lệ: trong thời hạn 10 ngày làm việc, xem xét, tham mưu Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện kiểm tra thực tế tại cơ sở, nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu thì tham mưu Lãnh đạo đơn vị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 25.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, tham mưu Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

(Trường hợp thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức kiểm tra, đánh giá thực tế tại cơ sở để cấp giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản chấp thuận, kiểm tra duy trì điều kiện của cơ sở:

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y áp dụng hình thức đánh giá trực tuyến khi cơ sở đáp ứng yêu cầu về nguồn lực, phương tiện kỹ thuật thực hiện; cơ sở cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan bằng bản giấy hoặc bản điện tử cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc tạm hoãn hoặc gia hạn có thời hạn giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản chấp thuận, thời hạn kiểm tra duy trì.
- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức đánh giá sự phù hợp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, tài liệu, hình ảnh, hồ sơ cung cấp cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y. Việc kiểm tra đánh giá thực tế sẽ được thực hiện sau khi các địa phương kiểm soát được thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật; thực hiện thu hồi ngay giấy phép đối với trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.)

**\* Kết quả:**

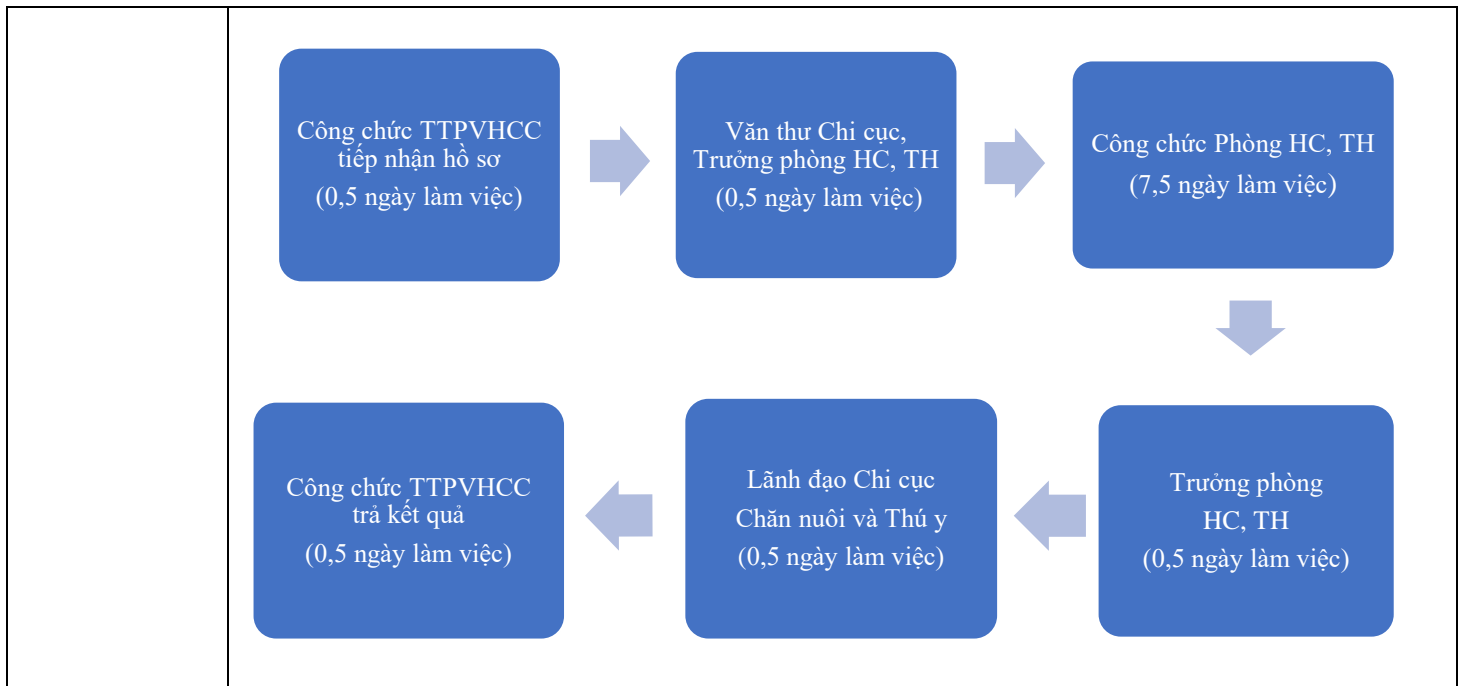
- + Bản giấy được gửi cho nhân viên bưu điện chuyển đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và lưu trữ theo quy định tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y.
- + Bản điện tử được lưu trữ trong kho dữ liệu của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Cổng dịch vụ công quốc gia.

**Bước 3: Trả kết quả**

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Trung tâm chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.

**Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu.

**\* Sơ đồ quy trình**



**CÁCH THỨC THỰC HIỆN:**

| Hình thức nộp     | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí  | Mô tả  |
|-------------------|---------------------|--|--|
| Trực tiếp         | 10 ngày làm việc    | Chưa có văn bản quy định   | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.  |
| Trực tuyến        | 10 ngày làm việc    | Chưa có văn bản quy định   | - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:<br>+ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a><br>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a><br>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart<br>+ Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo |
| Dịch vụ bưu chính | 10 ngày làm việc    | Chưa có văn bản quy định<br>(Ghi chú: Nộp phí sử dụng dịch vụ bưu chính) | Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.                         |

**Thành phần hồ sơ**

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
|-------------|------------------|----------|
|-------------|------------------|----------|

|  |  |              |               |                  |
|--|--|--------------|---------------|------------------|
| <p>a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 23.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;</p> <p>b) Sơ đồ vị trí đặt lồng bè/Sơ đồ khu vực nuôi.</p> | <p>Đơn đề nghị theo Mẫu số 23.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản</p>  | 01 bộ        |               |                  |
| Đối tượng thực hiện:   | Tổ chức, cá nhân   |              |               |                  |
| Mô tả đối tượng thực hiện:   |  |              |               |                  |
| Cơ quan thực hiện:   | Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.  |              |               |                  |
| Cơ quan có thẩm quyền:   | Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.  |              |               |                  |
| Cơ quan phối hợp:  |  |              |               |                  |
| Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh).  |              |               |                  |
| Kết quả thực hiện  |  |              |               |                  |
| Mã tài liệu  | Tên kết quả  | Tệp đính kèm |               |                  |
|  | Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 25.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.   |              |               |                  |
| Căn cứ pháp lý   |  |              |               |                  |
| Số văn bản   | Tên văn bản  | Ngày văn bản | Ngày hiệu lực | Cơ quan ban hành |
| 18/2017/QH14   | - Luật Thủy sản năm 2017.  | 21/11/2017   | 01/01/2019    | Quốc hội         |
| 26/2019/NĐ-CP  | - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.   | 08/3/2019    | 25/4/2019     | Chính phủ        |
| 105/2022/NĐ-CP   | - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn   | 22/12/2022   | 15/01/2023    | Chính phủ        |
| 37/2024/NĐ-CP  | - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.  | 04/4/2024    | 19/5/2024     | Chính phủ        |
| Yêu cầu, điều kiện thực hiện:  | <p>Cơ sở nuôi trồng thủy sản phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản phải tuân thủ quy định về sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật;</li> <li>- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với đối tượng và hình thức nuôi;</li> <li>+ Bờ ao (đầm/hầm), bể làm bằng vật liệu không gây ô nhiễm môi trường, không gây độc hại cho thủy sản nuôi, không rò rỉ nước; nơi chứa rác thải phải riêng biệt với nơi chứa, nơi xử lý thủy sản chết và tách biệt với khu vực nuôi, không làm ảnh hưởng đến môi trường;</li> </ul> |              |               |                  |

|                                 |   |
|---------------------------------|---|
|                                 | <p>+ Trường hợp cơ sở nuôi trồng thủy sản có khu chứa trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu phải bảo đảm yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, nhà cung cấp; cơ sở nuôi trồng thủy sản có khu sinh hoạt, vệ sinh phải bảo đảm nước thải, chất thải sinh hoạt không làm ảnh hưởng đến khu vực nuôi;</p> <p>+ Trường hợp cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh phải có hệ thống xử lý nước cấp, nước thải riêng biệt; nơi chứa bùn thải phù hợp; có biển báo chỉ dẫn từng khu và đáp ứng quy định tại điểm a, b khoản này.</p> <p>- Đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thú y và an toàn lao động</p> <p>- Đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.</p> |
| <b>Thành phần hồ sơ lưu</b>     | <p>- Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan;</p> <p>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ (nếu có);</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có).</p>  |
| <b>Thời gian lưu và nơi lưu</b> | <p>Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại Phòng HC, TH thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y, thời gian lưu 01 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Văn thư Chi cục Chăn nuôi và Thú y, lưu trữ theo quy định hiện hành.</p>  |

**Phụ lục I**  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**  
*(Kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Tây Ninh

1. Tên cơ sở nuôi trồng thủy sản: .....
- .....
- .....
2. Địa chỉ của cơ sở: .....;
- Điện thoại.....; Số fax.....; Email.....
3. Địa điểm nuôi trồng: .....
4. Đối tượng thủy sản nuôi trồng: .....
5. Số lượng ao/bể/lồng: .....
6. Tổng diện tích cơ sở: .....
7. Tổng diện tích mặt nước/thể tích lồng nuôi trồng: .....

Đề nghị Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*



**Phụ lục II**  
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**  
*(Kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

**CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y TỈNH TÂY NINH**

1. Tên (người đại diện) cơ sở nuôi trồng thủy sản: .....
2. Địa chỉ của cơ sở: .....
3. Điện thoại.....; Số Fax.....; Email.....
4. Địa điểm nuôi: .....

**Đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản:**

- Đối tượng thủy sản nuôi trồng: .....
- Số lượng ao (đầm/hàm)/bể/lòng: .....
- Tổng diện tích cơ sở: .....
- Diện tích mặt nước nuôi: .....

Số cấp: AA/20.../BB/CN-NTTS

Có hiệu lực đến ngày      tháng      năm

(\*) và thay thế Giấy chứng nhận số: ..... Cấp ngày      tháng      năm

....., ngày ..... tháng ..... năm .....  
*(Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu)*

|                         |   |
|-------------------------|---|
| Mã thủ tục số 4         | <b>1.004694.000.00.00.H53</b>   |
| Tên thủ tục hành chính: | <b>CÔNG BỐ MỞ CẢNG CÁ LOẠI 2</b><br>(DVCTT một phần)  |
| Cấp thực hiện:          | Cấp tỉnh  |
| Lĩnh vực:               | Thủy sản  |
| Trình tự thực hiện:     |   |
|                         | <p>- Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:</p> <p>+ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></p> <p>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></p> <p>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart.</p> <p>+ Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo.</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.</p> <p>Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).</p> <p>*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:</p> <p><b>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</b></p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh:</p> <p>- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>+ Hồ sơ được tổ chức nộp trực tiếp tại Trung tâm.</p> <p>+ Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Thực hiện kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh xử lý.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>+ (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1).</p> <p><b>Bước 2: Giải quyết hồ sơ</b></p> <p>- Văn thư Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ từ nhân viên bưu điện và chuyển Chánh Văn phòng UBND tỉnh (Chánh Văn phòng).</p> <p>- Phân công công chức xử lý.</p> |

- Vào sổ theo dõi.

- Thẩm định, xử lý hồ sơ.

- Trình Chánh Văn phòng xem xét.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trong thời hạn 02 ngày làm việc, phải báo cáo Chánh Văn phòng ban hành văn bản thông báo cho tổ chức quản lý cảng cá biết để bổ sung.

- Trường hợp hồ sơ lệ: trong thời hạn 06 ngày làm việc, tham mưu UBND tỉnh tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá (trong trường hợp cần thiết); ban hành Quyết định công bố mở cảng cá theo Mẫu số 34 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định. Trường hợp không công bố mở cảng cá, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(Trường hợp thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức kiểm tra, đánh giá thực tế tại cơ sở để cấp giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản chấp thuận, kiểm tra duy trì điều kiện của cơ sở:

- UBND tỉnh áp dụng hình thức đánh giá trực tuyến khi cơ sở đáp ứng yêu cầu về nguồn lực, phương tiện kỹ thuật thực hiện; cơ sở cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan bằng bản giấy hoặc bản điện tử cho UBND tỉnh hoặc tạm hoãn hoặc gia hạn có thời hạn giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản chấp thuận, thời hạn kiểm tra duy trì.

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức đánh giá sự phù hợp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, tài liệu, hình ảnh, hồ sơ cung cấp cho UBND tỉnh. Việc kiểm tra đánh giá thực tế sẽ được thực hiện sau khi các địa phương kiểm soát được thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật; thực hiện thu hồi ngay giấy phép đối với trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật).

\* Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành, Văn phòng UBND tỉnh thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

**\* Kết quả:**

- Bản giấy được gửi cho nhân viên bưu điện chuyển đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

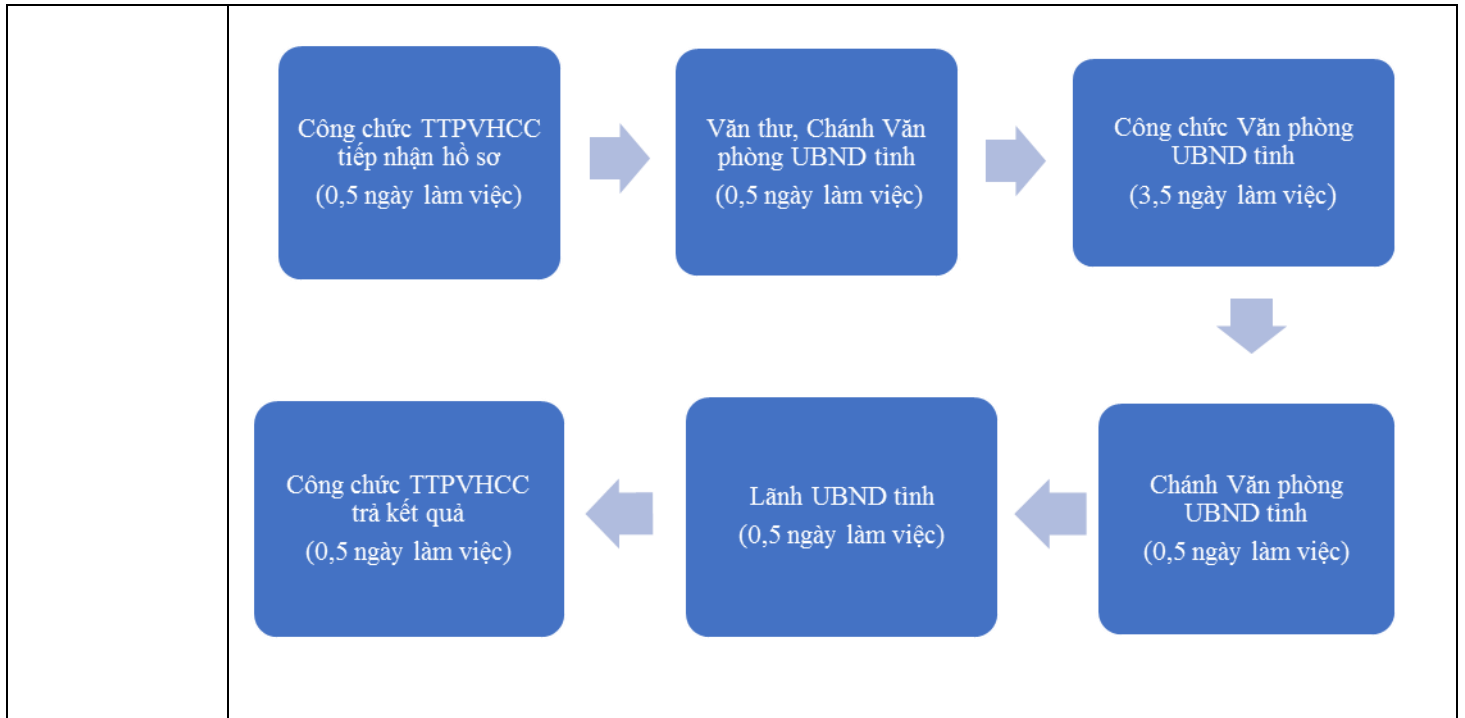
- Bản điện tử được lưu trữ trong kho dữ liệu của tổ chức trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Cổng dịch vụ công quốc gia.

**Bước 3: Trả kết quả**

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Trung tâm chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.

**Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu.

**\* Sơ đồ quy trình**



**CÁCH THỨC THỰC HIỆN:**

| Hình thức nộp     | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí  | Mô tả  |
|-------------------|---------------------|--|--|
| Trực tiếp         | 06 ngày làm việc    | Chưa có văn bản quy định   | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.  |
| Trực tuyến        | 06 ngày làm việc    | Chưa có văn bản quy định   | - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:<br>+ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a><br>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a><br>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart<br>+ Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo |
| Dịch vụ bưu chính | 06 ngày làm việc    | Chưa có văn bản quy định<br>(Ghi chú: Nộp phí sử dụng dịch vụ bưu chính) | Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.                         |

Thành phần hồ sơ

| Tên giấy tờ   |   | Mẫu đơn, tờ khai  |               | Số lượng         |  |
|---|---|---|---------------|------------------|--|
| <p>a) Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu 33 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</p> <p>b) Văn bản thành lập Tổ chức quản lý cảng cá;</p> <p>c) Văn bản thể hiện quyền sử dụng vùng đất, vùng nước của cảng;</p> <p>d) Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng công trình cảng cá (áp dụng đối với cảng cá hoàn thành từ sau khi Nghị định số 37/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành);</p> <p>đ) Thông báo về luồng của cảng và vùng nước trước cầu cảng.</p> |   | <p>Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu số 33 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản</p> |               | 01 bộ            |  |
| Đối tượng thực hiện:  |   | Tổ chức quản lý cảng cá   |               |                  |  |
| Mô tả đối tượng thực hiện:  |   |   |               |                  |  |
| Cơ quan thực hiện:  |   | Văn phòng UBND tỉnh   |               |                  |  |
| Cơ quan có thẩm quyền:  |   | UBND tỉnh Tây Ninh  |               |                  |  |
| Cơ quan phối hợp:   |   |   |               |                  |  |
| Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:  |   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh).   |               |                  |  |
| Kết quả thực hiện   |   |   |               |                  |  |
| Mã tài liệu   |   | Tên kết quả   |               | Tệp đính kèm     |  |
|   |   | Quyết định công bố mở cảng cá theo Mẫu số 34 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.  |               |                  |  |
| Căn cứ pháp lý  |   |   |               |                  |  |
| Số văn bản  | Tên văn bản   | Ngày văn bản  | Ngày hiệu lực | Cơ quan ban hành |  |
| 18/2017/QH14  | - Luật Thủy sản năm 2017.   | 21/11/2017  | 01/01/2019    | Quốc hội         |  |
| 26/2019/NĐ-CP   | - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.  | 08/3/2019   | 25/4/2019     | Chính phủ        |  |
| 105/2022/NĐ-CP  | - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  | 22/12/2022  | 15/01/2023    | Chính phủ        |  |
| 37/2024/NĐ-CP   | - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. | 04/4/2024   | 19/5/2024     | Chính phủ        |  |
| Yêu cầu, điều kiện thực hiện:   |   | - Vị trí là nơi thu hút tàu cá của một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đến bốc dỡ thủy sản và thực hiện các dịch vụ nghề cá khác; là đầu mối phân phối hàng thủy sản của địa phương;   |               |                  |  |

|                                 |   |
|---------------------------------|---|
|                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các trang thiết bị chủ yếu phục vụ cho bốc dỡ hàng hóa của cảng được cơ giới hóa tối thiểu 70%;</li> <li>- Có diện tích vùng nước cảng tối thiểu từ 10 ha trở lên;</li> <li>- Có độ sâu luồng vào cảng và vùng nước trước cầu cảng theo quy định của Chính phủ (Có độ sâu luồng vào cảng và vùng nước cảng đủ điều kiện cho tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên ra vào cảng);</li> <li>- Có diện tích vùng đất cảng từ 2,5 ha trở lên; có nhà làm việc, công trình hạ tầng kỹ thuật đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và phòng, chống cháy, nổ;</li> <li>- Lượng hàng thủy sản qua cảng từ 15.000 tấn/năm trở lên.</li> <li>- Đã thành lập tổ chức quản lý cảng cá;</li> <li>- Có phương án khai thác, sử dụng cảng cá.</li> </ul> |
| <b>Thành phần hồ sơ lưu</b>     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan;</li> <li>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;</li> <li>- Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ (nếu có);</li> <li>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có).</li> </ul>   |
| <b>Thời gian lưu và nơi lưu</b> | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại Văn phòng UBND tỉnh, thời gian lưu 01 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Văn thư Văn phòng UBND tỉnh, lưu trữ theo quy định hiện hành.  |

**Phụ lục I**  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ MỞ CẢNG CÁ**  
*(Kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ MỞ CẢNG CÁ**

Kính gửi: UBND tỉnh Tây Ninh

- Tổ chức quản lý cảng cá:.....
- Địa chỉ trụ sở: .....
- Số điện thoại: ..... Email ..... Tần số liên lạc.....
- Đề nghị được công bố mở cảng cá với các thông tin như sau:
1. Tên cảng cá: ..... Loại cảng cá: .....
  2. Địa chỉ cảng cá: .....
  3. Chiều dài cầu cảng (mét):.....;
  4. Tọa độ: Vĩ độ: .....N; Kinh độ: .....E
  5. Độ sâu trước cầu cảng (mét).....
  6. Độ sâu vùng nước đậu tàu (mét): .....
  7. Thông tin về luồng vào cảng cá:
    - Tọa độ điểm đầu của luồng: Vĩ độ: .....N; Kinh độ: .....E;
    - Độ sâu luồng (mét):.....; Chiều rộng luồng (mét):.....
  8. Tổng diện tích vùng đất cảng (hecta): .....
  9. Tổng diện tích vùng nước cảng (hecta): .....
  10. Lượng hàng thủy sản (được thiết kế) qua cảng (tấn/năm): .....
  11. Thời gian cảng cá bắt đầu hoạt động (ngày/tháng/năm): .....
  12. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:
    - a) .....
    - b) .....
    - c) .....

(Phương án khai thác cảng cá; danh mục các trang thiết bị chủ yếu phục vụ cho bốc dỡ hàng hóa đối với cảng cá loại I, II tại Phụ lục kèm theo đơn này).

Chúng tôi cam đoan và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định về cảng cá và pháp luật khác có liên quan. Đề nghị quý cơ quan xem xét, công bố mở cảng cá./.

....., ngày..... tháng.... năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



## **Phụ lục**

*(Kèm theo Đơn đề nghị công bố mở cảng cá ngày .... tháng ..... năm...)*

---

### **A. PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC CẢNG CÁ**

#### **I. NHIỆM VỤ CẦN THỰC HIỆN**

Tổ chức quản lý cảng cá cần bố trí đủ nhân sự thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

1. Điều độ, hướng dẫn, sắp xếp phương tiện ra, vào cảng, neo đậu trong vùng nước cảng cá

- Bảo đảm có bộ phận tiếp nhận thông tin tàu cập cảng, lưu trữ thông tin, thông báo cho các bộ phận có liên quan;

- Bảo đảm có bộ phận hướng dẫn tàu cập cảng, bố trí neo đậu, bốc dỡ sản phẩm...

2. Tổ chức thực hiện giám sát sản lượng bốc dỡ qua cảng

- Thu nhận nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản của tàu cá vào cảng;

- Trực tiếp giám sát sản lượng bốc dỡ qua cảng, lưu trữ dữ liệu;

- Ghi biểu mẫu thống kê nghề cá thương phẩm; thống kê sản lượng thủy sản qua cảng;

- Tổng hợp, báo cáo; lưu trữ dữ liệu theo quy định.....

3. Xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo quy định

Cấp giấy biên nhận, cấp Giấy xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản từ khai thác, lưu trữ dữ liệu.... (nếu có).

4. Phối hợp tham gia công tác kiểm tra, giám sát tại cảng cá

- Bố trí văn phòng, trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tại cảng;

- Cung cấp thông tin cho cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tàu cá tại cảng;

- Cử người tham gia kiểm tra, giám sát....

5. Thông tin

Thông tin về tình hình thời tiết trên hệ thống thông tin của cảng cá; tổ chức trực ban và treo tín hiệu cảnh báo khi có thiên tai theo quy định; thông báo danh sách tàu cá, số người trên tàu đang neo đậu tại vùng nước cảng; tổng hợp, báo cáo theo quy định...

6. Duy tu, bảo dưỡng và duy trì điều kiện hoạt động của cảng

Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng cảng cá đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động trong cảng và các nhiệm vụ khác được phân công....

## II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phân công rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân thuộc tổ chức quản lý cảng cá để thực hiện các nhiệm vụ nêu trên Mục I.

## III. NỘI DUNG KHÁC

.....

## IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Định kỳ hàng năm, 5 năm, tổ chức quản lý cảng cá tiến hành đánh giá kết quả thực hiện Phương án đã được phê duyệt, báo cáo các cơ quan có liên quan.

### B. DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ CHỦ YẾU PHỤC VỤ CHO BỐC DỠ HÀNG HÓA (ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CẢNG CÁ LOẠI I, II)

| TT  | Tên trang thiết bị              | Công suất/<br>năng lực | Cảng cá<br>Loại ..... |
|-----|---------------------------------|------------------------|-----------------------|
| 1   | Cần cẩu cố định hoặc di động    |                        |                       |
| 2   | Xe nâng hàng                    |                        |                       |
| 3   | Băng tải                        |                        |                       |
| 4   | Xe đẩy hàng                     |                        |                       |
| 5   | Cầu xe nâng                     |                        |                       |
| 6   | Phương tiện vận chuyển hàng hóa |                        |                       |
| 7   | Trạm cân                        |                        |                       |
| ... | Khác                            |                        |                       |

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Phụ lục II**  
**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố mở cảng cá**

*(Kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)*

**UBND TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố mở cảng cá**

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH TÂY NINH**

*Căn cứ* .....  
*Căn cứ* .....  
*Xét đề nghị của* .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Điều 1.** Công bố mở cảng cá (tên cảng cá): .....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại: .....Email.....Tần số liên lạc.....
1. Loại cảng cá (I, II, III): .....
  2. Tọa độ vị trí của cảng cá: Vĩ độ: .....N; Kinh độ: .....E
  3. Tổng chiều dài cầu cảng (mét): .....
  4. Thông tin luồng vào cảng:
    - Tọa độ điểm đầu của luồng: Vĩ độ: .....N; Kinh độ: .....E;
    - Độ sâu của luồng (mét): ..... Chiều rộng luồng (mét): .....
  5. Độ sâu vùng nước đậu tàu (mét):.....
  6. Độ sâu vùng nước trước cầu cảng (mét) .....
  7. Tổng diện tích vùng đất cảng (ha):.....
  8. Tổng diện tích vùng nước cảng (ha): .....
  9. Năng lực bốc dỡ hàng hóa (lượng hàng hóa theo thiết kế (tấn/năm): .....
  10. Thời gian cảng cá bắt đầu hoạt động: .....
  11. Tên tổ chức quản lý cảng cá : .....
- Địa chỉ..... Điện thoại: ..... Email: .....

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày .....

**Điều 3**....., ..... (*Tổ chức quản lý cảng cá*), Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận:***

- Nhu Điều...;
- Bộ NN&PTNT/Cục Thủy sản;
- Lưu: VT,...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

*(Chữ ký, dấu)*

|                         |   |
|-------------------------|---|
| Mã thủ tục số 5         | 1.004697.000.00.00.H53  |
| Tên thủ tục hành chính: | <b>CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU CÁ</b><br>(DVCTT một phần)  |
| Cấp thực hiện:          | Cấp tỉnh  |
| Lĩnh vực:               | Thủy sản  |
| Trình tự thực hiện:     |   |
|                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.</li> <li>- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></li> <li>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></li> <li>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart</li> <li>+ Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo</li> </ul> </li> <li>- Tổ chức, cá nhân nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.</li> <li>- Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).</li> <li>*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:<br/><b>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</b><br/>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hồ sơ được tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp tại Trung tâm.</li> <li>+ Hồ sơ được tổ chức, cá nhân nộp trực tuyến.</li> <li>+ Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul> </li> <li>- Thực hiện kiểm tra hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời chuyển hồ sơ để Chi cục Chăn nuôi và Thú y - Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý.</li> <li>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</li> <li>+ (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1).</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul> |

## **Bước 2: Giải quyết hồ sơ**

### **Chi cục Chăn nuôi và Thú y**

- Văn thư Chi cục tiếp nhận hồ sơ từ nhân viên bưu điện và chuyển Trưởng phòng **Hành chính, Tổng hợp**(sau đây gọi tắt là **HC, TH**).

- Phân công công chức xử lý.

- Vào sổ theo dõi.

- Thẩm định, xử lý hồ sơ.

- Trình Trưởng phòng xem xét.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trong thời hạn 02 ngày làm việc, phải báo cáo Trưởng phòng HC, TH tham mưu Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y ban hành văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân.

- Trường hợp hồ sơ lệ: trong thời hạn 07 ngày làm việc, xem xét, tham mưu Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y tổ chức kiểm tra, đánh giá điều kiện cơ sở theo Mẫu số 29 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP; trường hợp kiểm tra, đánh giá tại cơ sở không đáp ứng điều kiện, cơ sở thực hiện khắc phục; sau khi khắc phục cơ sở có văn bản thông báo đến Chi cục Chăn nuôi và Thú y để tổ chức kiểm tra nội dung đã khắc phục (trong trường hợp cần thiết).

(Trường hợp thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức kiểm tra, đánh giá thực tế tại cơ sở để cấp giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản chấp thuận, kiểm tra duy trì điều kiện của cơ sở:

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y áp dụng hình thức đánh giá trực tuyến khi cơ sở đáp ứng yêu cầu về nguồn lực, phương tiện kỹ thuật thực hiện; cơ sở cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan bằng bản giấy hoặc bản điện tử cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc tạm hoãn hoặc gia hạn có thời hạn giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản chấp thuận, thời hạn kiểm tra duy trì.

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức đánh giá sự phù hợp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, tài liệu, hình ảnh, hồ sơ cung cấp cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y. Việc kiểm tra đánh giá thực tế sẽ được thực hiện sau khi các địa phương kiểm soát được thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật; thực hiện thu hồi ngay giấy phép đối với trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.)

- Cấp Giấy chứng nhận: trường hợp hồ sơ và điều kiện cơ sở đạt yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá, Chi cục Chăn nuôi và Thú y cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá theo Mẫu số 04.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **\* Kết quả:**

+ Bản giấy được gửi cho nhân viên bưu điện chuyển đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và lưu trữ theo quy định tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

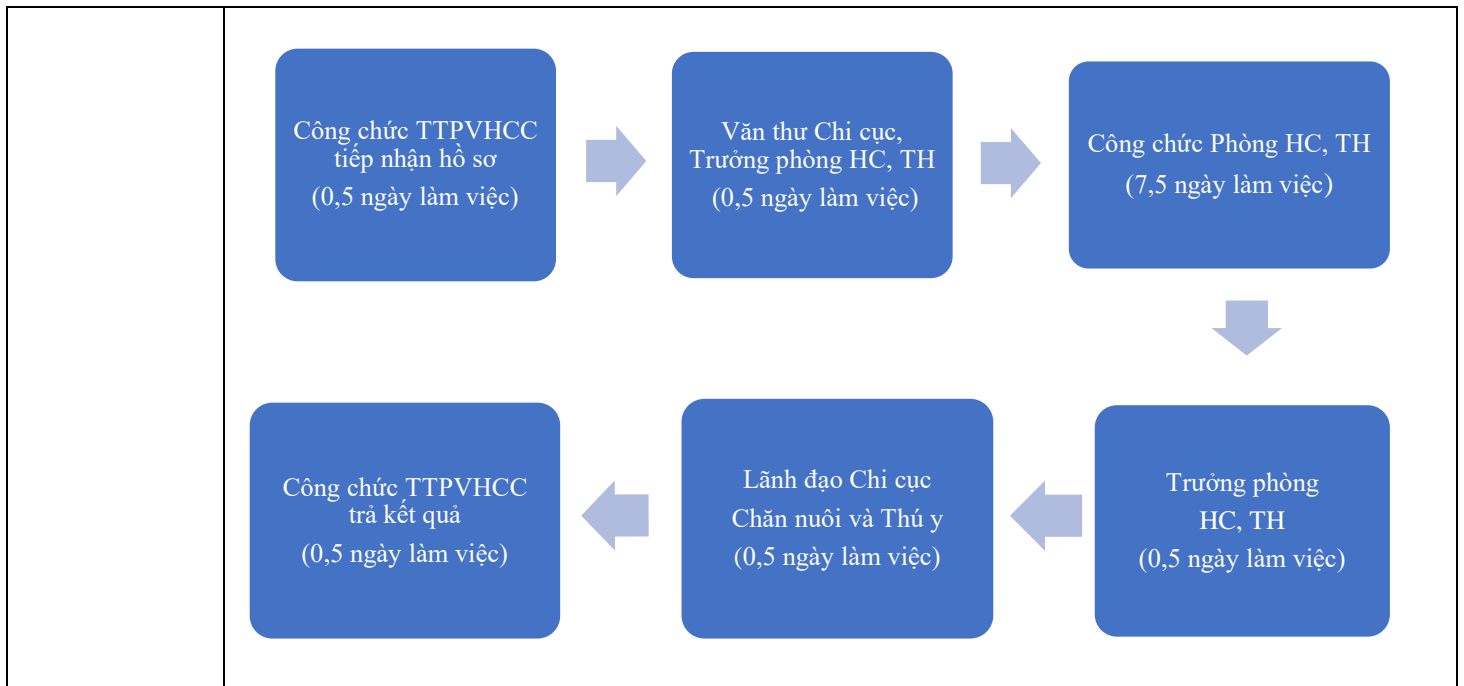
+ Bản điện tử được lưu trữ trong kho dữ liệu của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Cổng dịch vụ công quốc gia.

### **Bước 3: Trả kết quả**

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Trung tâm chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.

**Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu.

### **\* Sơ đồ quy trình**



**CÁCH THỨC THỰC HIỆN:**

| Hình thức nộp     | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí  | Mô tả  |
|-------------------|---------------------|--|--|
| Trực tiếp         | 10 ngày làm việc    | Chưa có văn bản quy định   | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.  |
| Trực tuyến        | 10 ngày làm việc    | Chưa có văn bản quy định   | - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:<br>+ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a><br>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a><br>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart<br>+ Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo |
| Dịch vụ bưu chính | 10 ngày làm việc    | Chưa có văn bản quy định<br>(Ghi chú: Nộp phí sử dụng dịch vụ bưu chính) | Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.                         |

**Thành phần hồ sơ**

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
|-------------|------------------|----------|
|-------------|------------------|----------|

|  |   |              |               |                  |
|--|---|--------------|---------------|------------------|
| <p>1. Trường hợp cấp mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;</li> <li>- Bản thuyết minh điều kiện cơ sở theo Mẫu số 02.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.</li> </ul> <p>2. Trường hợp cấp lại:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;</li> <li>- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đã cấp.</li> </ul> | <p>1. Trường hợp cấp mới:</p> <p>a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 01.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;</p> <p>b) Bản thuyết minh điều kiện cơ sở theo Mẫu số 02.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.</p> <p>2. Trường hợp cấp lại:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.</li> </ul> | 01 bộ        |               |                  |
| Đối tượng thực hiện:   | Tổ chức, cá nhân  |              |               |                  |
| Mô tả đối tượng thực hiện:   |   |              |               |                  |
| Cơ quan thực hiện:   | Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT  |              |               |                  |
| Cơ quan có thẩm quyền:   | Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT  |              |               |                  |
| Cơ quan phối hợp:  |   |              |               |                  |
| Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh).   |              |               |                  |
| Kết quả thực hiện  |   |              |               |                  |
| Mã tài liệu  | Tên kết quả   | Tệp đính kèm |               |                  |
|  | Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá theo Mẫu số 04.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.  |              |               |                  |
| Căn cứ pháp lý   |   |              |               |                  |
| Số văn bản   | Tên văn bản   | Ngày văn bản | Ngày hiệu lực | Cơ quan ban hành |
| 18/2017/QH14   | - Luật Thủy sản năm 2017.   | 21/11/2017   | 01/01/2019    | Quốc hội         |
| 26/2019/NĐ-CP  | - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.  | 08/3/2019    | 25/4/2019     | Chính phủ        |
| 105/2022/NĐ-CP   | - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  | 22/12/2022   | 15/01/2023    | Chính phủ        |
| 37/2024/NĐ-CP  | - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.   | 04/4/2024    | 19/5/2024     | Chính phủ        |
| Yêu cầu, điều kiện thực hiện:  | <p><b>1. Điều kiện cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá vỏ thép</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có nhà xưởng, trang thiết bị tối thiểu theo Mục 1 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.</li> </ul>   |              |               |                  |



|                                 |  |
|---------------------------------|--|
|                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bộ phận giám sát, quản lý chất lượng và đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật tối thiểu theo quy định tại Mục 4 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng; có quy trình công nghệ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá.</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá vỏ gỗ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có nhà xưởng, trang thiết bị tối thiểu theo Mục 2 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Có bộ phận giám sát, quản lý chất lượng và đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật tối thiểu theo quy định tại Mục 5 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng; có quy trình công nghệ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá.</li> </ul> <p><b>3. Điều kiện cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá vỏ vật liệu mới</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có nhà xưởng, trang thiết bị tối thiểu theo Mục 3 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Có bộ phận giám sát, quản lý chất lượng và đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật tối thiểu theo quy định tại Mục 6 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng; có quy trình công nghệ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá.</li> </ul> |
| <b>Thành phần hồ sơ lưu</b>     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan;</li> <li>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;</li> <li>- Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ (nếu có);</li> <li>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có).</li> </ul>  |
| <b>Thời gian lưu và nơi lưu</b> | <p>Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại Phòng HC, TH thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y, thời gian lưu 01 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Văn thư Chi cục Chăn nuôi và Thú y, lưu trữ theo quy định hiện hành.</p>   |

**Phụ lục I**  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU CÁ**  
*(Kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU CÁ**

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Tây Ninh

Họ tên người đề nghị:.....

Thường trú tại: .....

Số CMND/thẻ căn cước công dân/ mã số định danh cá nhân: .....

Đề nghị Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Tây Ninh kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá vỏ ..... có chiều dài lớn nhất từ ..... được nêu dưới đây:

1. Tên cơ sở:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: .....

4. Điện thoại: .....Fax:..... Email:.....

5. Hồ sơ gửi kèm, gồm:

.....  
.....

Chúng tôi/tôi cam kết chấp hành các quy định về đóng mới, cải hoán tàu cá, đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, an toàn kỹ thuật tàu cá và vệ sinh môi trường theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**  
*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*

**Phụ lục II**  
**THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ ĐÓNG MỚI,**  
**CẢI HOÁN TÀU CÁ**  
*(Kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)*

TÊN CƠ SỞ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ ĐÓNG MỚI,**  
**CẢI HOÁN TÀU CÁ**

1. Thông tin chung về cơ sở:

Tên, địa chỉ (bao gồm văn phòng và địa điểm đóng mới, cải hoán tàu cá), giấy phép kinh doanh, lịch sử, sơ đồ tổ chức, các đơn vị trực thuộc, giới thiệu về các sản phẩm được sản xuất.

2. Cơ sở vật chất, đội ngũ lao động:

a) Mô tả cơ sở vật chất cần thiết liên quan đến sản xuất (sơ đồ cơ sở chế tạo, văn phòng làm việc, nhà xưởng, nhà kho, các trang thiết bị sản xuất, các thiết bị đo và kiểm tra);

b) Danh sách các nhân viên kỹ thuật, cán bộ giám sát và người lao động (trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chương trình đào tạo đã tham gia, các chứng chỉ đã được cấp).

3. Phương án sản xuất, kinh doanh:

a) Đối tượng tàu cá đóng mới, cải hoán cơ sở đăng ký thực hiện và cơ sở vật chất đảm bảo yêu cầu thi công của cơ sở.

b) Số lượng tàu cá cơ sở có khả năng đóng mới, cải hoán, sửa chữa hàng năm.

c) Kế hoạch chất lượng trong triển khai đóng mới, cải hoán cho một sản phẩm và nhiều sản phẩm đồng thời.

d) Các công việc dự kiến do nhà thầu phụ thực hiện và danh sách các nhà thầu phụ.

4. Thông tin khác:

5. Kiến nghị, đề xuất (nếu có).

....., ngày ... tháng .... năm....

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục III**  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÓNG MỚI,**  
**CẢI HOÁN TÀU CÁ**

*(Kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÓNG MỚI,**  
**CẢI HOÁN TÀU CÁ**

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Tây Ninh

Họ tên:.....

Thường trú tại: .....

Số CMND/thẻ căn cước công dân:.....

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán đã được cấp mang số:..... được cấp ngày.....tháng.....năm.....;

Giấy chứng nhận nêu trên đã bị (nêu rõ lý do đề nghị cấp lại).

.....  
.....

Đề nghị cơ quan thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các nội dung được ghi trong giấy chứng nhận được cấp lại và các quy định về đóng mới, cải hoán tàu cá nhằm đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, an toàn kỹ thuật tàu cá và vệ sinh môi trường theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành./.

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục IV**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU CÁ**  
*(Kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)*

---

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU CÁ**

---

**CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y**

**CHỨNG NHẬN:**

Tên cơ sở: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đầu tư: .....

Đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá vỏ ..... có chiều dài lớn nhất từ ..... theo quy định.

**NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

Số:        /GCN

*(Đã cấp lần 1 ngày: .....)*

*Cấp lần 2 ngày: .....)*

|                         |   |
|-------------------------|---|
| Mã thủ tục số 6         | 1.004692.000.00.00.H53  |
| Tên thủ tục hành chính: | <b>CẤP, CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN LỒNG BÈ, ĐỐI TƯỢNG THỦY SẢN NUÔI CHỦ LỰC</b><br>(DVCTT toàn trình)  |
| Cấp thực hiện:          | Cấp tỉnh  |
| Lĩnh vực:               | Thủy sản  |
| Trình tự thực hiện:     |   |
|                         | <p>- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:</p> <p>+ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></p> <p>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></p> <p>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart</p> <p>+ Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo</p> <p>- Tổ chức, cá nhân nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.</p> <p>- Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).</p> <p>*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:</p> <p><b>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</b></p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh:</p> <p>- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>+ Hồ sơ được tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp tại Trung tâm.</p> <p>+ Hồ sơ được tổ chức, cá nhân nộp trực tuyến.</p> <p>+ Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Thực hiện kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời chuyển hồ sơ để Chi cục Chăn nuôi và Thú y - Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>+ (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1).</p> <p><b>Bước 2: Giải quyết hồ sơ</b></p> <p><b>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</b></p> <p>- Văn thư Chi cục tiếp nhận hồ sơ từ nhân viên bưu điện và chuyển Trường phòng <b>Hành chính, Tổng hợp(sau đây gọi tắt là HC, TH).</b></p> <p>- Phân công công chức xử lý.</p> <p>- Vào sổ theo dõi.</p> <p>- Thẩm định, xử lý hồ sơ.</p> <p>- Trình Trường phòng xem xét.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trong thời hạn 02 ngày làm việc, phải báo cáo Trường phòng HC, TH tham mưu Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y ban hành văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ lệ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, căn cứ quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về phát triển nuôi trồng thủy sản tại địa phương đã được cơ quan có</p> |

thẩm quyền phê duyệt và quy định khác có liên quan xem xét, tham mưu Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thẩm định và cấp Giấy xác nhận theo Mẫu số 28.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP. Trường hợp không cấp Giấy xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

**\* Kết quả:**

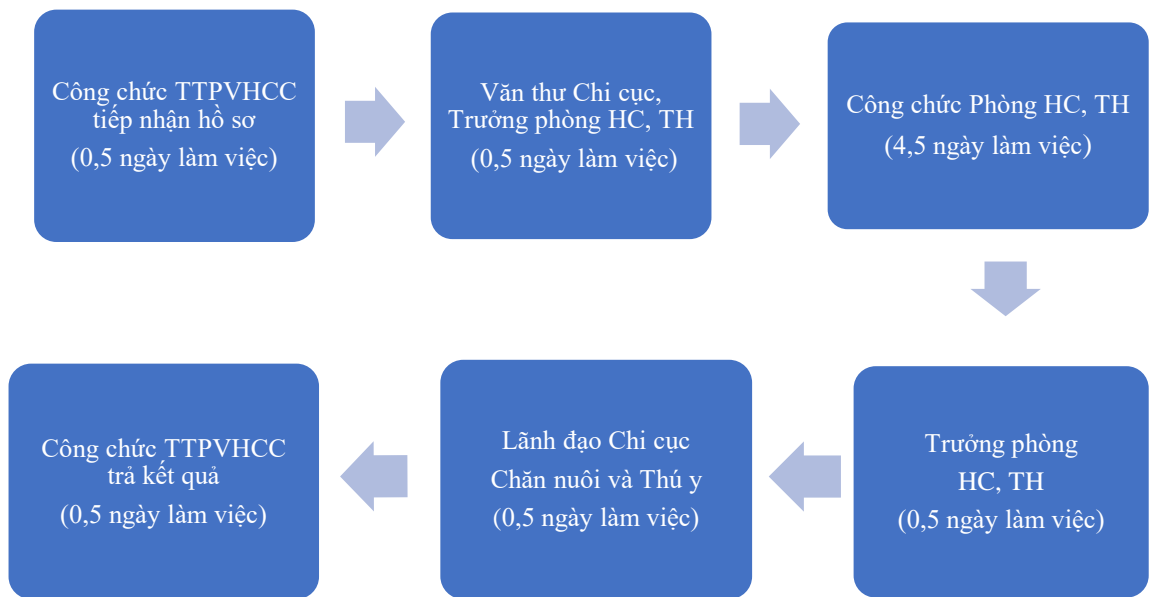
- + Bản giấy được gửi cho nhân viên bưu điện chuyển đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và lưu trữ theo quy định tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y.
- + Bản điện tử được lưu trữ trong kho dữ liệu của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Cổng dịch vụ công quốc gia.

**Bước 3: Trả kết quả**

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Trung tâm chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.

**Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu.

**\* Sơ đồ quy trình**



**CÁCH THỨC THỰC HIỆN:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí              | Mô tả  |
|---------------|---------------------|--------------------------|--|
| Trực tiếp     | 07 ngày làm việc    | Chưa có văn bản quy định | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.  |
| Trực tuyến    | 07 ngày làm việc    | Chưa có văn bản quy định | - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:<br>+ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a><br>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a><br>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart<br>+ Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo |

|   |  |  |  |
|---|--|--|--|
| Dịch vụ bưu chính   | 07 ngày làm việc   | Chưa có văn bản quy định<br>(Ghi chú: Nộp phí sử dụng dịch vụ bưu chính)   | Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu. |
| Thành phần hồ sơ  |  |  |  |
| Tên giấy tờ   |  | Mẫu đơn, tờ khai   | Số lượng   |
| <p>1. Trường hợp cấp mới:</p> <p>a) Đơn đăng ký theo Mẫu số 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</p> <p>b) Sơ đồ mặt bằng vị trí ao/lồng nuôi có xác nhận của chủ cơ sở.</p> <p>2. Trường hợp cấp lại:</p> <p>a) Đơn đăng ký lại theo Mẫu số 27.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;</p> <p>b) Bản chính giấy xác nhận đăng ký đã được cấp (trừ trường hợp bị mất);</p> <p>c) Sơ đồ mặt bằng vị trí ao/lồng nuôi có xác nhận của chủ cơ sở (đối với trường hợp thay đổi quy mô sản xuất); trường hợp thay đổi chủ cơ sở phải có giấy tờ chứng minh sự thay đổi.</p> |  | <p>1. Trường hợp cấp mới:</p> <p>Đơn đăng ký theo Mẫu số 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</p> <p>2. Trường hợp cấp lại:</p> <p>Đơn đăng ký lại theo Mẫu số 27.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;</p> | 01 bộ  |
| Đối tượng thực hiện:  |  | Tổ chức, cá nhân   |  |
| Mô tả đối tượng thực hiện:  |  |  |  |
| Cơ quan thực hiện:  |  | Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT   |  |
| Cơ quan có thẩm quyền:  |  | Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT   |  |
| Cơ quan phối hợp:   |  |  |  |
| Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:  |  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh).  |  |
| Kết quả thực hiện   |  |  |  |
| Mã tài liệu   | Tên kết quả  |  | Tệp đính kèm   |
|   | Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực theo Mẫu số 28.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP. |  |  |



| Căn cứ pháp lý                |   |   |               |                  |
|-------------------------------|---|---|---------------|------------------|
| Số văn bản                    | Tên văn bản   | Ngày văn bản  | Ngày hiệu lực | Cơ quan ban hành |
| 18/2017/QH14                  | - Luật Thủy sản năm 2017.   | 21/11/2017  | 01/01/2019    | Quốc hội         |
| 26/2019/NĐ-CP                 | - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.  | 08/3/2019   | 25/4/2019     | Chính phủ        |
| 105/2022/NĐ-CP                | - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  | 22/12/2022  | 15/01/2023    | Chính phủ        |
| 37/2024/NĐ-CP                 | - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. | 04/4/2024   | 19/5/2024     | Chính phủ        |
| Yêu cầu, điều kiện thực hiện: |   | <p>1. Cơ sở nuôi trồng thủy sản phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Địa điểm xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản phải tuân thủ quy định về sử dụng đất để nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với đối tượng và hình thức nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở vật chất đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản trong ao (đầm/hầm), bể: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bờ ao (đầm/hầm), bể làm bằng vật liệu không gây ô nhiễm môi trường, không gây độc hại cho thủy sản nuôi, không rò rỉ nước; nơi chứa rác thải phải riêng biệt với nơi chứa, nơi xử lý thủy sản chết và tách biệt với khu vực nuôi, không làm ảnh hưởng đến môi trường;</li> <li>+ Trường hợp cơ sở nuôi trồng thủy sản có khu chứa trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu phải bảo đảm yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, nhà cung cấp; cơ sở nuôi trồng thủy sản có khu sinh hoạt, vệ sinh phải bảo đảm nước thải, chất thải sinh hoạt không làm ảnh hưởng đến khu vực nuôi;</li> <li>+ Trường hợp cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh phải có hệ thống xử lý nước cấp, nước thải riêng biệt; nơi chứa bùn thải phù hợp; có biển báo chỉ dẫn từng khu và đáp ứng quy định tại điểm a, b khoản này.</li> </ul> </li> <li>- Cơ sở vật chất đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản bằng lồng bè, đăng quảng (sau đây được gọi là nuôi lồng bè): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khung lồng, phao, lưới, đăng quảng phải làm bằng vật liệu không gây ô nhiễm môi trường, không gây độc hại cho thủy sản nuôi và không để thủy sản nuôi sống thoát ra môi trường; có thiết bị cảnh báo cho hoạt động giao thông thủy; nơi chứa rác thải phải riêng biệt với nơi chứa, nơi xử lý thủy sản chết, không làm ảnh hưởng đến môi trường;</li> <li>+ Trường hợp cơ sở nuôi trồng thủy sản có khu chứa trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu phải bảo đảm yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, nhà cung cấp; cơ sở nuôi trồng thủy sản có khu sinh hoạt, vệ sinh phải bảo đảm nước thải, chất thải sinh hoạt không làm ảnh hưởng đến khu vực nuôi.</li> </ul> </li> <li>- Trang thiết bị sử dụng trong nuôi trồng thủy sản phải làm bằng vật liệu dễ làm vệ sinh, không gây độc đối với thủy sản nuôi, không gây ô nhiễm môi trường.</li> </ul> <p>c) Đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thú y và an toàn lao động;</p> |               |                  |

|                                 |   |
|---------------------------------|---|
|                                 | <p>d) Đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm;</p> <p>đ) Phải đăng ký đối với hình thức nuôi trồng thủy sản lồng bè và đối tượng thủy sản nuôi chủ lực.</p> <p>2. Cơ sở nuôi trồng thủy sản dùng làm cảnh, giải trí, mỹ nghệ, mỹ phẩm phải tuân theo quy định tại các điểm a, b, c và đ mục 1</p> <p>3. Đăng ký lại nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>Giấy xác nhận đăng ký bị mất; bị rách; thay đổi chủ cơ sở nuôi; thay đổi quy mô sản xuất, đối tượng nuôi.</p> |
| <b>Thành phần hồ sơ lưu</b>     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan;</li> <li>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;</li> <li>- Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ (nếu có);</li> <li>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có).</li> </ul>   |
| <b>Thời gian lưu và nơi lưu</b> | <p>Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại Phòng HC, TH thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y, thời gian lưu 01 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Văn thư Chi cục Chăn nuôi và Thú y, lưu trữ theo quy định hiện hành.</p>  |

**Phụ lục I**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN LỒNG BÈ/  
ĐỐI TƯỢNG THỦY SẢN NUÔI CHỦ LỰC**

*(Kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN LỒNG BÈ/  
ĐỐI TƯỢNG THỦY SẢN NUÔI CHỦ LỰC**

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y Tây Ninh

- Họ tên chủ cơ sở: .....
- Số CMND/Số CCCD/Mã số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu(đối với chủ cơ sở không phải là tổ chức) hoặc mã số doanh nghiệp: .....; ngày cấp.....; nơi cấp.....
- Địa chỉ của cơ sở: .....
- Điện thoại.....; Số Fax.....; Email.....
- Tổng diện tích của cơ sở (ha): .....
- Diện tích/thể tích nuôi trồng thủy sản (ha/m<sup>3</sup>): .....
- Hình thức nuôi: .....

Đề nghị .....(tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh) xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè/đối tượng thủy sản nuôi chủ lực cho cơ sở theo thông tin sau:

| TT  | Ao/bể/<br>lồng nuôi | Đối tượng thủy<br>sản nuôi | Địa chỉ ao/bể/<br>lồng nuôi | Diện tích, thể tích<br>ao/bể/lồng nuôi<br>(m <sup>2</sup> /m <sup>3</sup> ) |
|-----|---------------------|----------------------------|-----------------------------|---|
| 1   |                     |                            |                             |   |
| 2   |                     |                            |                             |   |
| 3   |                     |                            |                             |   |
| ... |                     |                            |                             |   |

Tôi cam kết thực hiện đúng các quy định hiện hành của pháp luật về nuôi trồng thủy sản và pháp luật có liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: cơ sở.

**CHỦ CƠ SỞ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)*

**Phụ lục II**  
**ĐƠN ĐĂNG KÝ LẠI**  
**NUÔI TRỒNG THỦY SẢN LỒNG BÈ/ ĐỐI TƯỢNG**  
**THỦY SẢN NUÔI CHỦ LỰC**

*(Kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ LẠI**  
**NUÔI TRỒNG THỦY SẢN LỒNG BÈ/ ĐỐI TƯỢNG**  
**THỦY SẢN NUÔI CHỦ LỰC**

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y Tây Ninh

1. Họ tên chủ cơ sở: .....
2. Số căn cước công dân/chứng minh nhân dân (đối với chủ cơ sở không phải là doanh nghiệp) hoặc mã số doanh nghiệp: .....
3. Địa chỉ của cơ sở: .....
4. Điện thoại.....; Số Fax.....; Email.....
5. Đối tượng thủy sản nuôi: .....
6. Tổng diện tích của cơ sở (ha): .....
7. Tổng diện tích/thể tích nuôi (ha/m<sup>3</sup>): .....
8. Hình thức nuôi:.....
9. Lý do đề nghị xác nhận lại:
  - a) Bị mất, rách:
  - b) Thay đổi chủ cơ sở nuôi; diện tích ao nuôi; đối tượng nuôi; mục đích sử dụng:  (Điền thông tin theo bảng ở dưới).

Đề nghị Chi cục Chăn nuôi và Thú y Tây Ninh xác nhận đăng ký lại nuôi trồng thủy sản lồng bè/đối tượng thủy sản nuôi chủ lực cho cơ sở theo thông tin sau:

| TT  | Mã số nhận diện ao/bể nuôi đã được cấp | Địa chỉ ao/bể nuôi | Thay đổi đối tượng nuôi |     | Thay đổi mục đích sử dụng |     | Thay đổi diện tích ao nuôi (m <sup>2</sup> ) |     | Thay đổi chủ cơ sở |     |
|-----|--|--------------------|-------------------------|-----|---------------------------|-----|--|-----|--------------------|-----|
|     |  |                    | Cũ                      | Mới | Cũ                        | Mới | Cũ   | Mới | Cũ                 | Mới |
| 1   |  |                    |                         |     |                           |     |  |     |                    |     |
| ... |  |                    |                         |     |                           |     |  |     |                    |     |

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

**CHỦ CƠ SỞ**  
*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*

**Phụ lục III**  
**GIẤY XÁC NHẬN**

*(Kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)*

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TÂY NINH**  
**Chi cục Chăn nuôi và Thú y**

Căn cứ Quyết định.....chức năng nhiệm vụ.....;

Căn cứ Nghị định số ...../2019/NĐ-CP ngày ..tháng...năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Tây Ninh

**GIẤY XÁC NHẬN**

**(Lần: ....., ngày... tháng ... năm ....)**

Số: ...../20...

Họ, tên chủ cơ sở: .....

Số căn cước công dân/CMTND (đối với chủ cơ sở nuôi không phải là doanh nghiệp) hoặc mã số doanh nghiệp ..... do ....., cấp ngày .....

Địa chỉ cơ sở: .....

Số điện thoại: ..... Số Fax: .....

Email (nếu có): .....

Mã số cơ sở nuôi (AA-BB-CCCCC) có mã số nhận diện từng ao/bể/lồng nuôi như sau:

| TT  | Mã số nhận diện ao/bể/lồng nuôi | Ao/bể/lồng nuôi <sup>2</sup> | Diện tích ao/bể/lồng nuôi (m <sup>2</sup> ) | Địa chỉ ao/bể/lồng nuôi <sup>3</sup> |
|-----|---------------------------------|------------------------------|---|--------------------------------------|
| 1   | AA-BB-CCCCC-DDDD                |                              |   |                                      |
| 2   |                                 |                              |   |                                      |
| ... |                                 |                              |   |                                      |

**Nơi nhận:**

-  
-

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

|                         |  |
|-------------------------|--|
| Mã thủ tục số 7         | 1.004359.000.00.00.H53   |
| Tên thủ tục hành chính: | <b>CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN</b><br>(DVCTT một phần)   |
| Cấp thực hiện:          | Cấp tỉnh   |
| Lĩnh vực:               | Thủy sản   |
| Trình tự thực hiện:     |  |
|                         | <p>- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:</p> <p>+ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></p> <p>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></p> <p>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart</p> <p>+ Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo</p> <p>- Tổ chức, cá nhân nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.</p> <p>- Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).</p> <p>*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:</p> <p><b>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</b></p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh:</p> <p>- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>+ Hồ sơ được tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp tại Trung tâm.</p> <p>+ Hồ sơ được tổ chức, cá nhân nộp trực tuyến.</p> <p>+ Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Thực hiện kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời chuyển hồ sơ để Chi cục Chăn nuôi và Thú y - Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>+ (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1).</p> <p><b>Bước 2: Giải quyết hồ sơ</b></p> <p><b>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</b></p> <p>- Văn thư Chi cục tiếp nhận hồ sơ từ nhân viên bưu điện và chuyển Trưởng phòng <b>Hành chính, Tổng hợp(sau đây gọi tắt là HC, TH)</b>.</p> <p>- Phân công công chức xử lý.</p> <p>- Vào sổ theo dõi.</p> <p>- Thẩm định, xử lý hồ sơ.</p> <p>- Trình Trưởng phòng xem xét.</p> |

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trong thời hạn 02 ngày làm việc, phải báo cáo Trưởng phòng HC, TH tham mưu Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y ban hành văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung.

- Trường hợp hồ sơ lệ: trong thời hạn 06 ngày làm việc (đối với cấp mới), 03 ngày làm việc (đối với cấp lại) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chi cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản theo Mẫu số 22 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP; trong trường hợp không cấp, cấp lại Chi cục Chăn nuôi và Thú y trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Thời hạn của Giấy phép khai thác thủy sản cấp lần đầu: Không quá thời hạn còn lại của hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản đã được công bố.

**\* Kết quả:**

+ Bản giấy được gửi cho nhân viên bưu điện chuyển đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và lưu trữ theo quy định tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

+ Bản điện tử được lưu trữ trong kho dữ liệu của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Cổng dịch vụ công quốc gia.

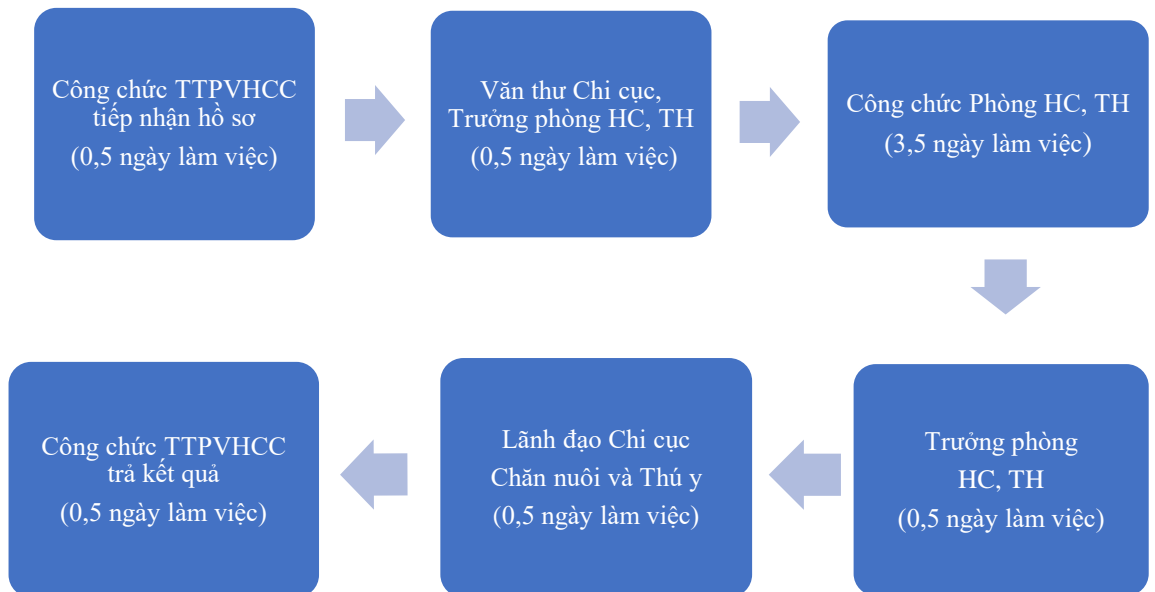
**Bước 3: Trả kết quả**

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Trung tâm chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.

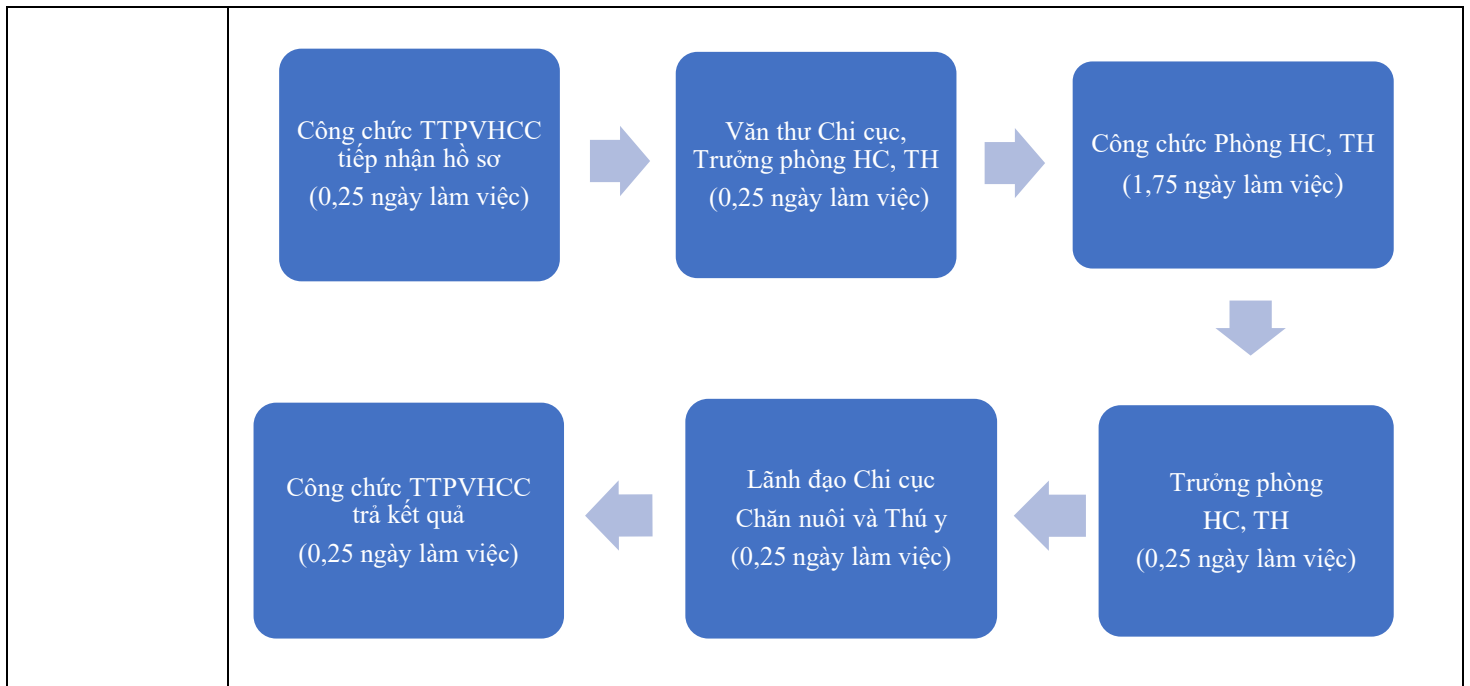
**Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu.

**\* Sơ đồ quy trình**

- Trường hợp cấp mới:



- Trường hợp cấp lại:



**CÁCH THỨC THỰC HIỆN:**

| Hình thức nộp     | Thời hạn giải quyết  | Phí, lệ phí  | Mô tả  |
|-------------------|--|--|--|
| Trực tiếp         | 06 ngày làm việc đối với cấp mới<br>03 ngày làm việc đối với cấp lại | Lệ phí cấp mới 40.000đồng/lần; lệ phí cấp lại 20.000đồng/lần | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.  |
| Trực tuyến        | 06 ngày làm việc đối với cấp mới<br>03 ngày làm việc đối với cấp lại | Lệ phí cấp mới 40.000đồng/lần; lệ phí cấp lại 20.000đồng/lần | - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:<br>+ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a><br>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a><br>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart<br>+ Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo |
| Dịch vụ bưu chính | 06 ngày làm việc đối với cấp mới<br>03 ngày làm việc đối với cấp lại | Lệ phí cấp mới 40.000đồng/lần; lệ phí cấp lại 20.000đồng/lần | Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.                         |

**Thành phần hồ sơ**

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
|-------------|------------------|----------|
|-------------|------------------|----------|



|  |                           |  |               |                  |  |
|--|---------------------------|--|---------------|------------------|--|
| <p>1. Trường hợp cấp mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị theo Mẫu số 21 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</li> <li>- Bản chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với tàu cá theo quy định phải đăng kiểm</li> <li>- Bản chụp văn bằng hoặc chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá đối với loại tàu cá theo quy định phải có văn bằng hoặc chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá.</li> </ul> <p>2. Trường hợp cấp lại:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;</li> <li>- Bản chính giấy phép khai thác thủy sản đã được cấp, trong trường hợp thay đổi thông tin trong giấy phép.</li> </ul> |                           | <p>1. Trường hợp cấp mới:</p> <p>Đơn đề nghị theo Mẫu số 21 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.</p> <p>2. Trường hợp cấp lại:</p> <p>Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.</p>      |               | 01 bộ            |  |
| Đối tượng thực hiện:   |                           | Tổ chức, cá nhân   |               |                  |  |
| Mô tả đối tượng thực hiện:   |                           |  |               |                  |  |
| Cơ quan thực hiện:   |                           | Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT   |               |                  |  |
| Cơ quan có thẩm quyền:   |                           | Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT   |               |                  |  |
| Cơ quan phối hợp:  |                           |  |               |                  |  |
| Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:   |                           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh).  |               |                  |  |
| Kết quả thực hiện  |                           |  |               |                  |  |
| Mã tài liệu  |                           | Tên kết quả  |               | Tệp đính kèm     |  |
|  |                           | <p>Giấy phép khai thác thủy sản theo Mẫu số 22 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.</p> <p>(Thời hạn của Giấy phép khai thác thủy sản cấp lần đầu: Không quá thời hạn còn lại của hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản đã được công bố)</p> |               |                  |  |
| Căn cứ pháp lý   |                           |  |               |                  |  |
| Số văn bản   | Tên văn bản               | Ngày văn bản   | Ngày hiệu lực | Cơ quan ban hành |  |
| 18/2017/QH14   | - Luật Thủy sản năm 2017. | 21/11/2017   | 01/01/2019    | Quốc hội         |  |

|                                      |  |  |            |              |
|--------------------------------------|--|--|------------|--------------|
| 26/2019/NĐ-CP                        | - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.   | 08/3/2019  | 25/4/2019  | Chính phủ    |
| 105/2022/NĐ-CP                       | - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn   | 22/12/2022   | 15/01/2023 | Chính phủ    |
| 37/2024/NĐ-CP                        | - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.  | 04/4/2024  | 19/5/2024  | Chính phủ    |
| 94/2021/TT-BTC                       | - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản. | 01/11/2021   | 17/12/2021 | Bộ Tài chính |
| <b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện:</b> |  | <p>Tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản bằng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét trở lên được cấp Giấy phép khai thác thủy sản khi đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Trong hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản, đối với khai thác thủy sản trên biển;</p> <p>b) Có nghề khai thác thủy sản không thuộc Danh mục nghề cấm khai thác;</p> <p>c) Có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, đối với tàu cá phải đăng kiểm;</p> <p>d) Tàu cá có trang thiết bị thông tin liên lạc theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>đ) Có thiết bị giám sát hành trình đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên theo quy định của Chính phủ (khoản 20 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 44 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP);</p> <p>e) Có Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá;</p> <p>g) Thuyền trưởng, máy trưởng phải có văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>h) Trường hợp cấp lại do giấy phép hết hạn phải đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g khoản này, đã nộp nhật ký khai thác theo quy định và tàu cá không thuộc danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố.</p> |            |              |
| <b>Thành phần hồ sơ lưu</b>          |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan;</li> <li>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;</li> <li>- Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ (nếu có);</li> <li>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có).</li> </ul>  |            |              |
| <b>Thời gian lưu và nơi lưu</b>      |  | <p>Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại Phòng HC, TH thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y, thời gian lưu 01 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Văn thư Chi cục Chăn nuôi và Thú y, lưu trữ theo quy định hiện hành.</p>   |            |              |

**Phụ lục I**  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC THUỶ SẢN**  
(Kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .....tháng.....năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC THUỶ SẢN**

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y Tây Ninh

Họ, tên chủ tàu .....Điện thoại: .....

Số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Mã số định danh cá nhân:.....

.....

Nơi thường trú: .....

Đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp Giấy phép khai thác thủy sản với nội dung như sau:

Tên tàu: ..... Loại tàu.....

Số đăng ký tàu: .....

Vùng hoạt động.....

Văn bản chấp thuận đóng mới/cải hoán/thuê/mua tàu cá:.....

Trang thiết bị thông tin liên lạc: .....

Thiết bị giám sát hành trình (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên):.....

Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá:.....

Cảng cá đăng ký cập tàu: .....

Nghề khai thác chính: .....Nghề phụ: .....

Tôi/chúng tôi xin cam đoan sử dụng tàu để đánh bắt nguồn lợi thủy sản/hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật./.

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

**Phụ lục II**  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN**

*(Kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .....tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN**

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y Tây Ninh

Tên chủ tàu: ..... Điện thoại: .....

Nơi thường trú: .....

Số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/mã số định danh cá nhân:

.....

Tôi đã được cấp Giấy phép khai thác thủy sản số: ...../20.../AA-GPKTTS; cấp ngày ..... tháng ..... năm .....; hết thời hạn ngày ..... tháng ..... năm .....

Đề nghị cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản với lý do (nêu rõ lý do đề nghị cấp lại và gửi kèm theo các giấy tờ chứng minh sự thay đổi thông tin): .....

.....

Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản để tôi tiếp tục hoạt động khai thác thủy sản.

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu để khai thác thủy sản đúng nội dung được ghi trong giấy phép và chấp hành đúng các quy định của pháp luật./.

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))*

**Phụ lục III**

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN**

*(Kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**GIẤY PHÉP**  
**KHAI THÁC THỦY SẢN**

Số: ...../20.../AA(\*)-GPKTTS

Tên tàu (nếu có): .....

Số đăng ký: .....

Mặt trước của giấy phép

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN**  
**Số:...../20../AA(\*)-GPKTTS**

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017;

Căn cứ Nghị định số .....ngày...tháng...năm ...

**CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y**

Tên chủ tàu:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Điện thoại (nếu có): .....

Số đăng ký tàu cá: .....

Cảng cá đăng ký cập tàu: .....

Sản lượng được phép khai thác:..... tấn/năm (nếu có).

**Được phép đánh bắt nguồn lợi thủy sản/hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản:**

Nghề chính:..... Vùng hoạt động:.....

Nghề phụ:..... Vùng hoạt động:.....

Thời hạn của Giấy phép đến hết ngày ..... tháng ..... năm .....

....., ngày .... tháng .... năm ...  
**NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN**  
(Ký tên, đóng dấu)

|                         |   |
|-------------------------|---|
| Mã thủ tục số 8         | <b>1.003650.000.00.00.H53</b>   |
| Tên thủ tục hành chính: | <b>CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ</b><br>(DVCTT một phần)   |
| Cấp thực hiện:          | Cấp tỉnh  |
| Lĩnh vực:               | Thủy sản  |
| Trình tự thực hiện:     |   |
|                         | <p>- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:</p> <p>+ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></p> <p>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></p> <p>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart</p> <p>+ Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo</p> <p>- Tổ chức, cá nhân nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.</p> <p>- Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).</p> <p>*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:</p> <p><b>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</b></p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh:</p> <p>- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>+ Hồ sơ được tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp tại Trung tâm.</p> <p>+ Hồ sơ được tổ chức, cá nhân nộp trực tuyến.</p> <p>+ Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Thực hiện kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời chuyển hồ sơ để Chi cục Chăn nuôi và Thú y - Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>+ (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1).</p> <p><b>Bước 2: Giải quyết hồ sơ</b></p> |

### Chi cục Chăn nuôi và Thú y

- Văn thư Chi cục tiếp nhận hồ sơ từ nhân viên bưu điện và chuyển Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp (sau đây gọi tắt là HC, TH).

- Phân công công chức xử lý.

- Vào sổ theo dõi.

- Thẩm định, xử lý hồ sơ.

- Trình Trưởng phòng xem xét.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trong thời hạn 02 ngày làm việc, phải báo cáo Trưởng phòng HC, TH tham mưu Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y ban hành văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân bổ sung.

- Trường hợp hồ sơ lệ: trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Chi cục Chăn nuôi và Thú y có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký, vào Sổ đăng ký tàu cá và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT- BNNPTNT và cấp Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá theo Mẫu số 06.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá Chi cục Chăn nuôi và Thú y trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### \* Kết quả:

+ Bản giấy được gửi cho nhân viên bưu điện chuyển đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và lưu trữ theo quy định tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

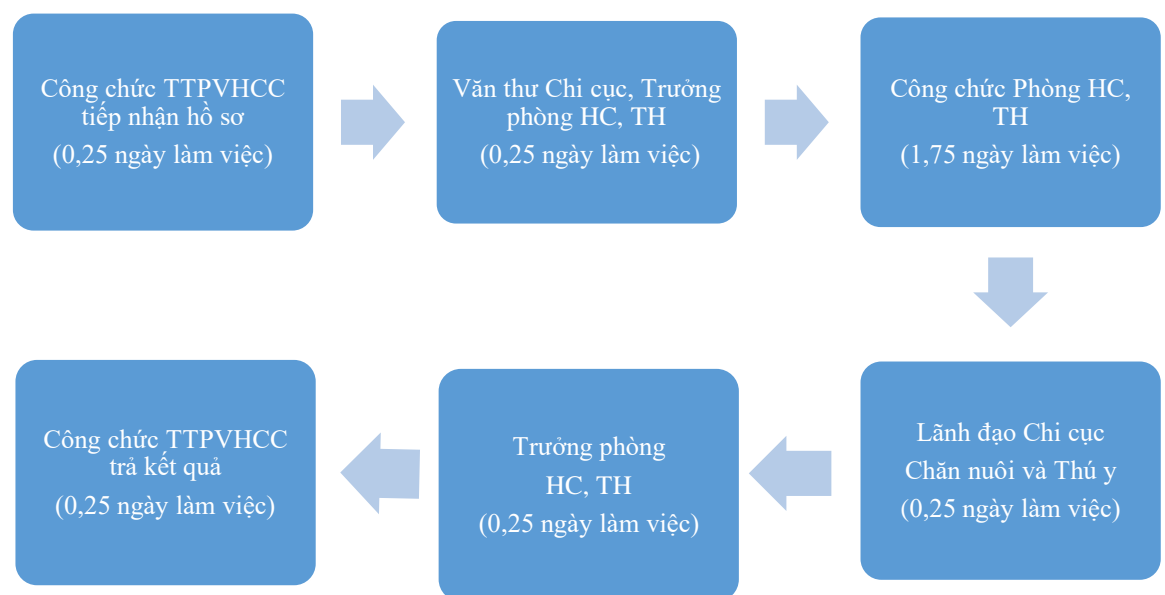
+ Bản điện tử được lưu trữ trong kho dữ liệu của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Cổng dịch vụ công quốc gia.

#### Bước 3: Trả kết quả

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Trung tâm chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.

**Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu.

#### \* Sơ đồ quy trình



### CÁCH THỨC THỰC HIỆN:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
|---------------|---------------------|-------------|-------|
|---------------|---------------------|-------------|-------|



|                   |                  |  |  |
|-------------------|------------------|--|--|
| Trực tiếp         | 03 ngày làm việc | Chưa có văn bản quy định   | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.  |
| Trực tuyến        | 03 ngày làm việc | Chưa có văn bản quy định   | - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:<br>+ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a><br>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a><br>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart<br>+ Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo |
| Dịch vụ bưu chính | 03 ngày làm việc | Chưa có văn bản quy định<br>(Ghi chú: Nộp phí sử dụng dịch vụ bưu chính) | Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.                         |

Thành phần hồ sơ

| Tên giấy tờ  | Mẫu đơn, tờ khai  | Số lượng |
|--|---|----------|
| <p><b>* Đối với tàu đóng mới:</b></p> <p>a) Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>b) Bản chính Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp theo Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>c) Bản chính văn bản chấp thuận đóng mới đối với tàu cá;</p> <p>d) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;</p> <p>đ) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);</p> <p>e) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá có chiều dài lớn</p> | <p>a) Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>b) Bản chính Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp theo Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>c) Bản chính Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu theo Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>d) Tờ khai đăng ký tàu cá có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chủ tàu đăng ký hộ khẩu thường trú theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BNNPTNT;</p> | 01 bộ    |

nhất từ 12 mét trở lên.

**\* Đối với tàu cải hoán:**

a) Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;

b) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).

đ) Bản chính Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu theo Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;

e) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký cũ;

g) Văn bản chấp thuận cải hoán của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**\* Đối với tàu được mua bán, tặng cho:**

a) Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;

b) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).

đ) Bản chính Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định;

e) Văn bản chấp thuận mua, bán tàu cá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp tàu cá mua bán trong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

g) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu;

h) Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký.

**\* Đối với tàu nhập khẩu:**

a) Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số

02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;

b) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).

đ) Bản sao có chứng thực văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá của cơ quan có thẩm quyền;

e) Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá đã qua sử dụng;

g) Bản sao có chứng thực Tờ khai Hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan;

h) Bản sao có chứng thực Biên lai nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**\* Đối với tàu thuộc diện thuê tàu trần:**

a) Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;

b) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).

đ) Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá đã qua sử dụng;

e) Bản chụp có chứng thực Tờ khai Hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan;

g) Bản sao có chứng thực Biên lai nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

h) Bản chính văn bản chấp thuận cho thuê tàu trần do cơ quan nhà nước Việt

|  |  |              |
|--|--|--------------|
| <p>Nam có thẩm quyền cấp;</p> <p>i) Bản chính hợp đồng thuê tàu trần.</p> <p><b>* Đối với tàu cá đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố danh sách tàu cá đã được đóng mới, cải hoán, mua bán, tặng cho không đủ thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 21 Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT):</b></p> <p>a) Tờ khai đăng ký tàu cá có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chủ tàu đăng ký hộ khẩu thường trú theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BNNPTNT;</p> <p>b) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m trở lên;</p> <p>c) Bản chính Thông báo nộp lệ phí trước bạ của tàu;</p> <p>d) Ảnh màu (9cm x 12cm chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).</p> <p>đ) Giấy tờ mua bán theo quy định của pháp luật (nếu có);</p> <p>e) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (đối với trường hợp cải hoán, mua bán, tặng cho) (nếu có);</p> <p>g) Bản chính giấy chứng nhận xoá đăng ký đối với trường hợp mua bán, tặng cho hoặc chuyển tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nếu có);</p> <p>h) Các giấy tờ hợp pháp khác (nếu có).</p> |  |              |
| Đối tượng thực hiện:   | Tổ chức, cá nhân   |              |
| Mô tả đối tượng thực hiện:   |  |              |
| Cơ quan thực hiện:   | Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT   |              |
| Cơ quan có thẩm quyền:   | Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT   |              |
| Cơ quan phối hợp:  |  |              |
| Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh).                                    |              |
| Kết quả thực hiện  |  |              |
| Mã tài liệu  | Tên kết quả  | Tệp đính kèm |
|  | Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT và cấp Sổ danh bạ thuyền viên tàu |              |

|                                      |  |   |                      |                         |
|--------------------------------------|--|---|----------------------|-------------------------|
|                                      | cá theo Mẫu số 06.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.  |   |                      |                         |
| <b>Căn cứ pháp lý</b>                |  |   |                      |                         |
| <b>Số văn bản</b>                    | <b>Tên văn bản</b>   | <b>Ngày văn bản</b>   | <b>Ngày hiệu lực</b> | <b>Cơ quan ban hành</b> |
| 18/2017/QH14                         | - Luật Thủy sản năm 2017.  | 21/11/2017  | 01/01/2019           | Quốc hội                |
| 23/2018/TT-BNNPTNT                   | - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;   | 15/11/2018  | 01/01/2019           | Bộ Nông nghiệp và PTNT  |
| 01/2022/TT-BNNPTNT                   | - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.  | 18/01/2022  | 04/3/2022            | Bộ Nông nghiệp và PTNT  |
| 06/2024/TT-BNNPTNT                   | - Thông tư số 06/2024/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2024 của của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá. | 06/5/2024   | 06/5/2024            | Bộ Nông nghiệp và PTNT  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện:</b> |  | <b>Tàu cá được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá khi đáp ứng các điều kiện sau đây:</b><br>a) Có giấy tờ chứng minh về sở hữu hợp pháp tàu cá;<br>b) Có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với tàu cá quy định phải đăng kiểm;<br>c) Có giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký tàu cá đối với trường hợp thuê tàu trần; giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá đối với trường hợp nhập khẩu, mua bán, tặng cho hoặc chuyển tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;<br>d) Chủ tàu cá có trụ sở hoặc nơi đăng ký thường trú tại Việt Nam. |                      |                         |
| <b>Thành phần hồ sơ lưu</b>          |  | - Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan;<br>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;<br>- Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ (nếu có);<br>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có).   |                      |                         |
| <b>Thời gian lưu và nơi lưu</b>      |  | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại Phòng HC, TH thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y, thời gian lưu 01 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Văn thư Chi cục Chăn nuôi và Thú y, lưu trữ theo quy định hiện hành.   |                      |                         |

**Phụ lục I**  
**MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ, TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**  
*(Kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Tây Ninh, ngày ..... tháng ..... năm .....*

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y Tây Ninh

Họ tên người đứng khai: .....

Thường trú tại: .....

Số CCCD/CMND:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

**1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:**

Tên tàu: .....; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng: .....

Cảng đăng ký: .....

Thông số cơ bản của tàu (m):  $L_{max} = \dots\dots\dots$ ;  $B_{max} = \dots\dots\dots$ ;  $D = \dots\dots\dots$

$L_{tk} = \dots\dots\dots$ ;  $B_{tk} = \dots\dots\dots$ ;  $d = \dots\dots\dots$

Vật liệu vỏ: .....; Tổng dung tích (GT): .....

Trọng tải toàn phần, (DW): .....Số thuyền viên, người.....

Nghề chính: .....Nghề phụ:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

| TT | Ký hiệu máy | Số máy | Công suất định mức, kW | Vòng quay định mức, rpm | Ghi chú |
|----|-------------|--------|------------------------|-------------------------|---------|
|    |             |        |                        |                         |         |
|    |             |        |                        |                         |         |
|    |             |        |                        |                         |         |
|    |             |        |                        |                         |         |
|    |             |        |                        |                         |         |

**2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):**

| TT | Họ và tên | Địa chỉ | Chứng minh nhân dân/căn cước công dân |
|----|-----------|---------|---------------------------------------|
|    |           |         |                                       |
|    |           |         |                                       |
|    |           |         |                                       |

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước./.

**ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**

**Phụ lục II**  
**MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ ĐỐI VỚI TÀU CÁ**  
**THEO KHOẢN 6a ĐIỀU 21 THÔNG TƯ SỐ 23/2018/TT-BNNPTNT**  
*(Kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BNNPTNT)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Tây Ninh, ngày ..... tháng ..... năm .....*

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

*(Đối với tàu cá đã được đóng mới, cải hoán, mua bán, tặng cho theo khoản 6a Điều 21  
Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)*

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y Tây Ninh

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại: .....

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

**1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:**

- Tên tàu: .....

- Công dụng (nghề chính): ..... Nghề phụ: .....

- Cảng cá đăng ký cập tàu: .....

- Thông số cơ bản của tàu:

+ Chiều dài lớn nhất ( $L_{max}$ , m):.....

+ Chiều rộng lớn nhất ( $B_{max}$ , m):.....

+ Chiều cao mạn (D, m):.....

- Vật liệu vỏ: .....

- Máy chính:

| TT | Hãng/nước sản xuất | Ký hiệu máy | Số máy | Công suất định mức, kW | Vòng quay định mức, rpm |
|----|--------------------|-------------|--------|------------------------|-------------------------|
|    |                    |             |        |                        |                         |
|    |                    |             |        |                        |                         |

**2. Nguồn gốc tàu**

a) Tàu được đóng mới, cải hoán tại...../mua bán, tặng cho từ: .....

- Địa chỉ: .....



- Số CCCD/CMND: .....

- Năm đóng mới/cải hoán/mua bán, tặng cho: .....

b) Tàu thuộc sở hữu của

| <b>TT</b> | <b>Họ và tên</b> | <b>Địa chỉ</b> | <b>Chứng minh nhân dân/căn cước công dân</b> |
|-----------|------------------|----------------|--|
|           |                  |                |  |
|           |                  |                |  |

c) Hồ sơ kèm theo (nếu có), gồm:

- Giấy tờ mua bán theo quy định của pháp luật.

- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (đối với trường hợp cải hoán, mua bán, tặng cho).

- Bản chính giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá đối với trường hợp mua bán, tặng cho hoặc chuyển tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Các giấy tờ hợp pháp khác

.....  
.....  
.....

**3. Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung sau:**

a) Tàu cá thuộc sở hữu hợp pháp của chủ tàu có tên tại mục 2.b nêu trên.

b) Tàu cá không có tranh chấp với bất cứ tổ chức cá nhân nào về quyền sở hữu.

c) Chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản./.

**XÁC NHẬN CỦA**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**  
*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**CHỦ TÀU/**  
**ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**  
*(ký, ghi rõ họ tên)*

**Phụ lục III**  
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**  
*(Kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness  
-----

N<sup>o</sup>

.....



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**  
**REGISTRATION CERTIFICATE OF FISHING VESSEL**

**CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y TÂY NINH**

Chúng nhận tàu cá có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ Đăng ký tàu cá Việt Nam:

*Hereby certifies that the fishing vessel with the following specifications has been registered into The Vietnam National Vessel Registration Book:*

|  |   |
|--|---|
| Tên tàu:<br><i>Name of Vessel</i>                  | Hồ hiệu:<br><i>Signal Letters</i>                   |
| Chủ tàu:<br><i>Vessel owner</i>                    | Nơi thường trú:<br><i>Residential Address</i>       |
| Kiểu tàu:<br><i>Type of Vessel</i>                 | Công dụng (nghề):<br><i>Used for (fishing gear)</i> |
| Tổng dung tích, GT:<br><i>Gross Tonnage</i>        | Trọng tải toàn phần: tấn<br><i>Dead weight</i>      |
| Chiều dài $L_{max}$ , m:<br><i>Length overall</i>  | Chiều rộng $B_{max}$ , m:<br><i>Breadth overall</i> |
| Chiều dài thiết kế $L_{tk}$ , m:<br><i>Length</i>  | Chiều rộng thiết kế $B_{tk}$ , m:<br><i>Breadth</i> |
| Chiều cao mạn D, m:<br><i>Draught</i>              | Chiều chìm d, m:<br><i>Depth</i>                    |
| Vật liệu vỏ:<br><i>Materials</i>                   | Tốc độ tự do hl/h:<br><i>Speed</i>                  |
| Năm và nơi đóng:<br><i>Year and Place of Build</i> |   |

Số lượng máy:  
*Number of Engines*

Ký hiệu máy  
*Type of machine*

.....

Cảng đăng ký:  
*Port Registry*

Số đăng ký:  
*Number or registry*

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến.....: *Cấp tại ..., ngày ....tháng...năm.....*  
..... *Issued at... Date*  
*This certificate is valid until*

Tổng công suất (kW):  
*Total power*

Công suất (kW)  
*Power*

.....

Năm và nơi chế tạo  
*Year and place of  
manufacture*

.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:  
*Register of Vessels*

## THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU


### THÔNG TIN VỀ CHỦ SỞ HỮU TÀU

| TT | Họ và tên | Địa chỉ | Chứng minh nhân dân/căn cước công dân | Tỷ lệ cổ phần (%) |
|----|-----------|---------|---------------------------------------|-------------------|
|    |           |         |                                       |                   |
|    |           |         |                                       |                   |
|    |           |         |                                       |                   |

**Phụ lục IV**  
**MẪU SỔ DANH BẠ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ**  
*(Kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT)*

---

1. Mặt ngoài của trang bìa

|   |
|---|
| <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br/><b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b><br/>-----</p>  <p><b>SỔ DANH BẠ</b><br/><b>THUYỀN VIÊN TÀU CÁ</b><br/>Số đăng ký: .....<br/>Chủ tàu:.....</p> <p><i>Số sổ:.....</i></p> <p style="text-align: right;"><i>Năm .....</i></p> |
|---|

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**SỔ DANH BẠ**  
**THUYỀN VIÊN TÀU CÁ**

Tên tàu cá: .....

Số đăng ký: .....

Chiều dài tàu:.....

Nơi đăng ký: .....

Chủ tàu cá: .....

Nơi thường trú:.....

Sổ danh bạ này gồm 60 trang,  
được đánh số thứ tự từ 01 đến 60

.....Ngày ..... tháng.....năm.....

**CHI CỤC TRƯỞNG**  
(Ký tên, đóng dấu)

*Năm* .....

3. Trang 2

**DANH SÁCH ĐĂNG KÝ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ**

| TT  | Họ và tên | Số CMND/CCCD; Ngày cấp, nơi cấp | Chức danh | Số văn bằng/chứng chỉ | Ghi chú |
|-----|-----------|---------------------------------|-----------|-----------------------|---------|
| 1   |           |                                 |           |                       |         |
| 2   |           |                                 |           |                       |         |
| 3   |           |                                 |           |                       |         |
| 4   |           |                                 |           |                       |         |
| 5   |           |                                 |           |                       |         |
| 6   |           |                                 |           |                       |         |
| ... |           |                                 |           |                       |         |
| ... |           |                                 |           |                       |         |

**CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....ngày ..... tháng.....năm.....  
**XÁC NHẬN CỦA CHI CỤC**  
**CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y**  
(Ký tên, đóng dấu)

4. Trang 3 đến trang 18

**CHỨNG THỰC CỦA CƠ QUAN KIỂM TRA, KIỂM SOÁT**

| <b>Rời cảng</b>  | <b>Xuất bến</b>   |
|--|---|
| <b>Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá</b> ..... | <b>Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng:</b> ..... |
| Ngày... ..tháng... ..năm.....                                | Ngày.....tháng...năm.....                                       |
| Nội dung:.....   | Gồm:.....người (...Nam,...Nữ)                                   |
| .....  | Nhận xét:.....  |
| Nhận xét:.....   | .....   |

|   |   |
|---|---|
| <p>.....</p> <p>.....</p> <p><b>Tổ chức quản lý cảng cá</b><br/>(Ký, đóng dấu)</p>  | <p>.....</p> <p>.....</p> <p><b>Trạm Kiểm soát Biên phòng</b><br/>(Ký, đóng dấu)</p>  |
| <b>Cấp cảng</b>   | <b>Nhập bến</b>   |
| <p><b>Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá</b>.....</p> <p>Ngày... ..tháng... năm.....</p> <p>Nội dung: .....</p> <p>.....</p> <p>Nhận xét:.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> | <p><b>Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng:</b>.....</p> <p>Ngày.....tháng...năm.....</p> <p>Gồm:.....người (...Nam,...Nữ)</p> <p>Nhận xét:.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> |
| <p><b>Tổ chức quản lý cảng cá</b><br/>(Ký, đóng dấu)</p>  | <p><b>Trạm Kiểm soát Biên phòng</b><br/>(Ký, đóng dấu)</p>  |

|  |   |
|--|---|
| <b>Mã thủ tục số 9</b>   | <b>1.002338.000.00.00.H53</b>   |
| Tên thủ tục hành chính:  | <b>CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH</b><br>(DVCTT một phần) |
| Cấp thực hiện:   | Cấp tỉnh  |
| Lĩnh vực:  | Thú y   |
| Trình tự thực hiện:  |   |
| <p>- Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (theo Mẫu 1) cho Kiểm dịch viên được ủy quyền kiểm dịch xuất tỉnh của Chi cục Chăn nuôi và Thú y Tây Ninh - Sở Nông nghiệp và PTNT (địa chỉ: Số 021, đường Phan Chu Trinh, khu phố 2, phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, điện thoại: 02763.827351 hoặc nộp cho Kiểm dịch viên được ủy quyền kiểm dịch xuất tỉnh được phân công tại địa bàn các huyện, thị xã, thành phố trước khi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.</p> <p>- Ngoài hình thức trên, tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:</p> <p>+ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a>;</p> <p>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a>;</p> <p>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart;</p> <p>+ Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo.</p> <p>- Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).</p> <p>*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:</p> <p><b>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</b></p> <p>- Trực tiếp: tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y Tây Ninh hoặc Kiểm dịch viên được ủy quyền kiểm dịch xuất tỉnh được phân công tại địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.</p> <p>- Hồ sơ được tổ chức, cá nhân nộp trực tuyến.</p> <p>- Thực hiện kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời thực hiện xử lý hồ sơ.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>+ (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1).</p> <p><b>Bước 2: Giải quyết hồ sơ</b></p> <p><b>Kiểm dịch viên được ủy quyền kiểm dịch tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế và thực hiện kiểm dịch như sau:</b></p> <p><b>1. Đối với trường hợp Kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:</b></p> <p>a) Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y, thực hiện như</p> |   |



sau:

- Kiểm tra lâm sàng;
- Lấy mẫu xét nghiệm bệnh theo quy định tại Mục I của Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT và Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT): Mẫu xét nghiệm là mẫu gộp từ 05 mẫu đơn thành 01 mẫu để xét nghiệm tác nhân gây bệnh. Chỉ gộp mẫu đơn cùng loài động vật, cùng lô hàng, cùng một cơ sở chăn nuôi hoặc thu gom, kinh doanh động vật. Trường hợp không thể gộp mẫu để xét nghiệm theo mẫu gộp, xét nghiệm các tác nhân gây bệnh theo mẫu đơn;
- Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;
- Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;
- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc Kiểm dịch viên tham mưu Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; trường hợp động vật không bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y, Kiểm dịch viên không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, tiến hành xử lý theo quy định và thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- Thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biên kiểm soát phương tiện vận chuyển. Thực hiện thông báo ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật vận chuyển để làm giống, tổng hợp thông báo theo tuần đối với động vật vận chuyển để giết mổ.

*b) Đối với động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT), cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:*

- Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;
- Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;
- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch;
- Thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biên kiểm soát phương tiện vận chuyển. Thực hiện thông báo ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật vận chuyển để làm giống, tổng hợp thông báo theo tuần đối với động vật vận chuyển để giết mổ.

## **2. Đối với Kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**

*a) Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:*

- Kiểm tra thực trạng hàng hóa; điều kiện bao gói, bảo quản sản phẩm động vật;
- Lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT;
- Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;
- Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;
- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu kiểm

dịch nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; trường hợp sản phẩm động vật không bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y, Kiểm dịch viên không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, tiến hành xử lý theo quy định và thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- **Tổng hợp thông báo theo tuần cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biên kiểm soát phương tiện vận chuyển.**

b) *Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT; từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y; thực hiện như sau:*

- Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;

- Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;

- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch;

- **Tổng hợp thông báo theo tuần cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biên kiểm soát phương tiện vận chuyển.**

**\* Kết quả:**

+ Bản giấy: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (mẫu 12b); Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (mẫu 12d).

+ Bản điện tử được lưu trữ trong kho dữ liệu của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Cổng dịch vụ công quốc gia.

**Bước 3: Trả kết quả**

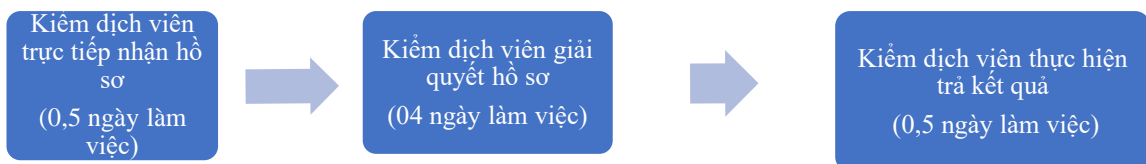
- Bản giấy: Kiểm dịch viên trả kết quả trực tiếp cho chủ hàng hoặc người đại diện chủ hàng;

- Bản điện tử được lưu trữ trong kho dữ liệu của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Cổng dịch vụ công quốc gia.

**Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu.

**\* Sơ đồ quy trình**

**1. Đối với trường hợp giải quyết TTHC trong 05 ngày làm việc**



**2. Đối với trường hợp giải quyết TTHC trong 01 ngày làm việc**

Kiểm dịch viên  
trực tiếp nhận hồ  
sơ  
(0,1 ngày làm  
việc)



Kiểm dịch viên giải  
quyết hồ sơ  
(0,8 ngày làm việc)



Kiểm dịch viên thực hiện  
trả kết quả  
(0,1 ngày làm việc)

**CÁCH THỨC THỰC HIỆN:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết   | Phí, lệ phí  | Mô tả   |
|---------------|---|--|---|
| Trực tiếp     | <p>- Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y: 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch.</p> <p>- Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT - BNNPTNT): 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.</p> | <p>- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;</p> <p>- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.</p> | <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.</p>  |
| Trực tuyến    | <p>- Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y: 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch.</p> <p>- Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an</p>  | <p>- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;</p> <p>- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài</p>  | <p>- Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:</p> <p>+ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></p> <p>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></p> <p>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart</p> <p>+ Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo</p> |

|  |   |   |  |
|--|---|---|--|
|  | <p>toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT - BNNPTNT): 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.</p> | <p>chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.</p> |  |
|--|---|---|--|

**Thành phần hồ sơ**

| Tên giấy tờ   | Mẫu đơn, tờ khai  | Số lượng              |
|---|---|-----------------------|
| <p>Giấy đăng ký theo Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024)</p> | <p>Giấy đăng ký theo Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024)</p> | <p>Không quy định</p> |

|                            |   |
|----------------------------|---|
| Đối tượng thực hiện:       | Tổ chức, cá nhân  |
| Mô tả đối tượng thực hiện: |   |
| Cơ quan thực hiện:         | Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT  |
| Cơ quan có thẩm quyền:     | Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT  |
| Cơ quan phối hợp:          |   |
| Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:   | Chi cục Chăn nuôi và Thú y Tây Ninh - Sở Nông nghiệp và PTNT (địa chỉ: Số 21, đường Phan Chu Trinh, Khu phố 2, Phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, điện thoại: 02763.827351 hoặc nộp cho Kiểm dịch viên được ủy quyền kiểm dịch xuất tỉnh được phân công tại địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. |

**Kết quả thực hiện**

| Mã tài liệu | Tên kết quả  | Tệp đính kèm |
|-------------|--|--------------|
|             | <p>- Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo Mẫu 12b Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT.</p> |              |

|                                      |   |   |                      |  |
|--------------------------------------|---|---|----------------------|--|
|                                      | - Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo Mẫu 12d Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT.  |   |                      |  |
| <b>Căn cứ pháp lý</b>                |   |   |                      |  |
| <b>Số văn bản</b>                    | <b>Tên văn bản</b>  | <b>Ngày văn bản</b>   | <b>Ngày hiệu lực</b> | <b>Cơ quan ban hành</b>                |
| 79/2015/QH13                         | - Luật Thú y năm 2015.  | 19/6/2015   | 01/7/2016            | Quốc hội                               |
| 25/2016/TT-BNNPTNT                   | - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.  | 30/6/2016   | 15/8/2016            | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 35/2018/TT-BNNPTNT                   | - Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016                              | 22/7/2013   | 15/01/2023           | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 09/2022/TT-BNNPTNT                   | - Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn     | 19/8/2022   | 06/10/2022           | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 04/2024/TT-BNNPTNT                   | - Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn     | 01/4/2024   | 16/5/2024            | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 101/2020/TT-BTC                      | - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.  | 23/11/2020  | 11/01/2021           | Bộ Tài chính                           |
| 283/2016/TT-BTC                      | - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật. | 14/11/2016  | 01/01/2017           | Bộ Tài chính                           |
| <b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện:</b> |   | <b>Không quy định.</b>  |                      |  |
| <b>Thành phần hồ sơ lưu</b>          |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan;</li> <li>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;</li> <li>- Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ (nếu có);</li> <li>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có).</li> </ul> |                      |  |
| <b>Thời gian lưu và nơi lưu</b>      |   | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại Phòng Kỹ thuật thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y, thời gian lưu 01 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Văn thư Chi cục Chăn nuôi và Thú y, lưu trữ theo quy định hiện hành.   |                      |  |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT**  
**VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**  
Số:...../ĐK-KDDV

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y Tây Ninh

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):.....  
Địa chỉ giao dịch:.....  
Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân:.....Cấp  
ngày.../.../.....tại.....  
Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....  
Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

**I/ ĐỘNG VẬT:**

| Loại động vật  | Giống | Tuổi | Tính biệt |     | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------|------|-----------|-----|------------------|
|                |       |      | Đực       | Cái |                  |
|                |       |      |           |     |                  |
|                |       |      |           |     |                  |
|                |       |      |           |     |                  |
|                |       |      |           |     |                  |
|                |       |      |           |     |                  |
| <b>Tổng số</b> |       |      |           |     |                  |

Tổng số (viết bằng chữ):.....  
Nơi xuất phát:.....  
Tình trạng sức khỏe động vật:.....  
Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với  
bệnh:.....  
.....theo Quyết định  
số...../.....ngày...../...../.....của.....(nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

- 1/..... Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....
- 2/.....Kết quả xét nghiệm số...../...ngày...../...../.....
- 3/..... Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....
- 4/.....Kết quả xét nghiệm số...../...ngày...../...../.....
- 5/..... Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

- 1/.....tiêm phòng ngày...../...../.....
- 2/.....tiêm phòng ngày...../...../.....
- 3/.....tiêm phòng ngày...../...../.....
- 4/.....tiêm phòng ngày...../...../.....
- 5/.....tiêm phòng ngày...../...../.....

## II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

| Tên hàng       | Quy cách đóng gói | Số lượng (2) | Khối lượng (kg) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------------|--------------|-----------------|------------------|
|                |                   |              |                 |                  |
|                |                   |              |                 |                  |
|                |                   |              |                 |                  |
| <b>Tổng số</b> |                   |              |                 |                  |

Tổng số (viết bằng chữ):.....

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....của.....(nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:.....

.....

Điện thoại:.....Fax:.....

## III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên            tổ            chức,            cá            nhân            nhập  
hàng:.....

Địa  
chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Nơi đến (cuối cùng):.....

Phương tiện vận chuyển:.....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/.....Số lượng:.....Khối lượng:.....

2/.....Số lượng:.....Khối lượng:.....

3/.....Số lượng:.....Khối lượng:.....

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển:.....

Các vật dụng khác liên quan kèm theo:.....

.....  
Các giấy tờ liên quan kèm theo:.....  
.....

Địa điểm kiểm dịch:.....

Thời gian kiểm dịch:.....

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y./.

**Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm .....

.....  
vào hồi .....giờ.....ngày...../...../.....

Vào sổ đăng ký số.....ngày...../...../.....

**KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Đăng ký tại

.....

Ngày.....tháng.....năm.....

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG**

**KÝ**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*



Mẫu 12b

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH  
TÂY NINH  
CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT VẬN  
CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**  
Số:...../CN-KDDV-UQ

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):.....

Địa chỉ giao dịch:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Vận chuyển số động vật sau:

| Loại động vật  | Tuổi<br>(1) | Tính biệt |     | Số lượng<br>(Con) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------|-----------|-----|-------------------|------------------|
|                |             | Đực       | Cái |                   |                  |
|                |             |           |     |                   |                  |
|                |             |           |     |                   |                  |
|                |             |           |     |                   |                  |
| <b>Tổng số</b> |             |           |     |                   |                  |

Tổng số (viết bằng chữ):.....

Nơi xuất phát:.....

Nơi đến cuối cùng:.....

Phương tiện vận chuyển:.....Biên kiểm soát:.....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/.....Số lượng:.....

2/.....Số lượng:.....

3/.....Số lượng:.....

Các vật dụng khác có liên quan:.....

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:.....

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh: .....tại kết quả xét nghiệm số:...../.....  
Ngày...../...../.....của.....

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:

- .....tiêm phòng ngày...../...../.....

- .....tiêm phòng ngày...../...../.....

- .....tiêm phòng ngày...../...../.....

- .....tiêm phòng ngày...../...../.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng.....nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày:...../...../.....

Cấp tại....., ngày...../...../.....

**KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT  
VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**  
Số:...../CN-KDSPĐV-UQ

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):.....

Địa chỉ giao dịch:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Vận chuyển số động vật sau:

| Loại hàng      | Quy cách đóng gói | Số lượng (1) | Khối lượng (kg) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------------|--------------|-----------------|------------------|
|                |                   |              |                 |                  |
|                |                   |              |                 |                  |
|                |                   |              |                 |                  |
| <b>Tổng số</b> |                   |              |                 |                  |

Tổng số (viết bằng chữ):.....

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Nơi đến cuối cùng:.....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ .....Số lượng:.....Khối lượng:.....

2/ .....Số lượng:.....Khối lượng:.....

3/.....Số lượng:.....Khối lượng:.....

Phương tiện vận chuyển:.....Biển kiểm soát:.....

Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển:.....

Các vật dụng khác có liên quan:.....

## CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh; xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và được giết mổ, sơ chế, bảo quản bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

2/ Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số:...../.....ngày...../...../.....của.....

3/ Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau:.....

4/ Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc.....bằng nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày:...../...../.....

Cấp tại....., ngày...../...../.....

**KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

|                         |   |
|-------------------------|---|
| Mã thủ tục số 10        | 1.004478.000.00.00.H53  |
| Tên thủ tục hành chính: | <b>CÔNG BỐ MỞ CẢNG CÁ LOẠI 3</b><br>(DVCTT một phần)  |
| Cấp thực hiện:          | Cấp huyện   |
| Lĩnh vực:               | Thủy sản  |
| Trình tự thực hiện:     |   |
|                         | <p>- Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại <b>Bộ phận Một cửa cấp huyện</b>.</p> <p>- Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></li><li>+ Cổng Dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></li><li>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart.</li><li>+ Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo.</li></ul> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.</p> <p>Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).</p> <p>*Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả được thực hiện như sau:</p> <p><b>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</b></p> <p><b>Bộ phận Một cửa cấp huyện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:</li><li>+ Hồ sơ được tổ chức nộp trực tiếp tại <b>Bộ phận Một cửa cấp huyện</b>.</li><li>+ Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</li><li>- Thực hiện kiểm tra hồ sơ:</li><li>+ (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời chuyển hồ sơ đến UBND huyện/thị xã/thành phố xử lý.</li><li>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại <b>Bộ phận Một cửa cấp huyện</b> thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</li><li>+ (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1).</li></ul> <p><b>Bước 2: Giải quyết hồ sơ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Văn thư UBND huyện/thị xã/thành phố tiếp nhận hồ sơ từ nhân viên bưu điện và chuyển <b>Chánh Văn</b></li></ul> |

phòng UBND huyện.

- Chuyên Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế huyện, thị xã, thành phố xử lý.

- Phân công công chức xử lý.

- Vào sổ theo dõi.

- Thẩm định, xử lý hồ sơ.

- Trình Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế huyện, thị xã, thành phố xem xét.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trong thời hạn 02 ngày làm việc, phải báo cáo UBND huyện/thị xã/thành phố ban hành văn bản thông báo cho tổ chức quản lý cảng cá biết để bổ sung.

- Trường hợp hồ sơ lệ: trong thời hạn 06 ngày làm việc, tham mưu UBND huyện/thị xã/thành phố tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá (trong trường hợp cần thiết); ban hành Quyết định công bố mở cảng cá theo Mẫu số 34 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định. Trường hợp không công bố mở cảng cá, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(Trường hợp thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức kiểm tra, đánh giá thực tế tại cơ sở để cấp giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản chấp thuận, kiểm tra duy trì điều kiện của cơ sở:

- UBND huyện/thị xã/thành phố áp dụng hình thức đánh giá trực tuyến khi cơ sở đáp ứng yêu cầu về nguồn lực, phương tiện kỹ thuật thực hiện; cơ sở cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan bằng bản giấy hoặc bản điện tử cho UBND huyện/thị xã/thành phố hoặc tạm hoãn hoặc gia hạn có thời hạn giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản chấp thuận, thời hạn kiểm tra duy trì.

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức đánh giá sự phù hợp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, tài liệu, hình ảnh, hồ sơ cung cấp cho UBND huyện/thị xã/thành phố. Việc kiểm tra đánh giá thực tế sẽ được thực hiện sau khi các địa phương kiểm soát được thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật; thực hiện thu hồi ngay giấy phép đối với trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật).

\* Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành, UBND huyện/thị xã/thành phố thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

\* **Kết quả:**

+ Bản giấy được gửi cho nhân viên bưu điện chuyển đến Bộ phận Một cửa cấp huyện.

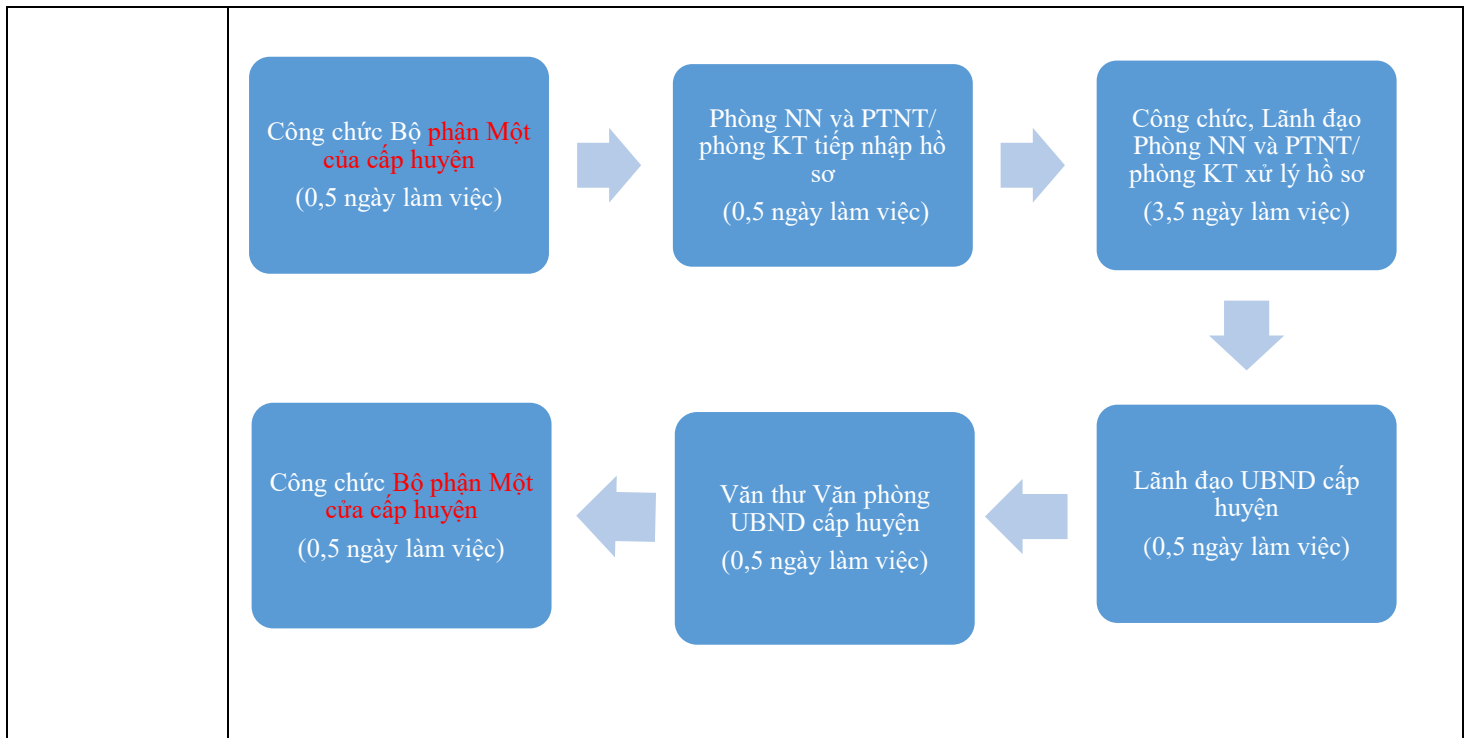
+ Bản điện tử được lưu trữ trong kho dữ liệu của tổ chức trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Cổng dịch vụ công quốc gia.

**Bước 3:** Trả kết quả

Bộ phận Một cửa cấp huyện tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.

**Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu.

\* **Sơ đồ quy trình**



**CÁCH THỨC THỰC HIỆN:**

| Hình thức nộp     | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí   | Mô tả  |
|-------------------|---------------------|---|--|
| Trực tiếp         | 06 ngày làm việc    | Chưa có văn bản quy định  | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại <b>Bộ phận Một cửa cấp huyện</b> .   |
| Trực tuyến        | 06 ngày làm việc    | Chưa có văn bản quy định  | - Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:<br>+ Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a><br>+ Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a><br>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart<br>+ Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo |
| Dịch vụ bưu chính | 06 ngày làm việc    | Chưa có văn bản quy định<br>(Nộp phí sử dụng dịch vụ bưu chính) | Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.                         |

Thành phần hồ sơ

| Tên giấy tờ   |   | Mẫu đơn, tờ khai   | Số lượng      |                  |  |
|---|---|--|---------------|------------------|--|
| <p>a) Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu 33 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</p> <p>b) Văn bản thành lập Tổ chức quản lý cảng cá;</p> <p>c) Văn bản thể hiện quyền sử dụng vùng đất, vùng nước của cảng;</p> <p>d) Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng công trình cảng cá (áp dụng đối với cảng cá hoàn thành từ sau khi Nghị định số 37/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành);</p> <p>đ) Thông báo về luồng của cảng và vùng nước trước cầu cảng.</p> |   | Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu số 33 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản | 01 bộ         |                  |  |
| Đối tượng thực hiện:  |   | Tổ chức quản lý cảng cá.   |               |                  |  |
| Mô tả đối tượng thực hiện:  |   |  |               |                  |  |
| Cơ quan thực hiện:  |   | Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện; phòng Kinh tế các thị xã, thành phố   |               |                  |  |
| Cơ quan có thẩm quyền:  |   | UBND huyện/thị xã/thành phố  |               |                  |  |
| Cơ quan phối hợp:   |   | Văn phòng UBND huyện/thị xã/thành phố.   |               |                  |  |
| Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:  |   | Bộ phận Một cửa cấp huyện  |               |                  |  |
| Kết quả thực hiện   |   |  |               |                  |  |
| Mã tài liệu   |   | Tên kết quả  | Tệp đính kèm  |                  |  |
|   |   | Quyết định công bố mở cảng cá theo Mẫu số 34 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.   |               |                  |  |
| Căn cứ pháp lý  |   |  |               |                  |  |
| Số văn bản  | Tên văn bản   | Ngày văn bản   | Ngày hiệu lực | Cơ quan ban hành |  |
| 18/2017/QH14  | - Luật Thủy sản năm 2017.   | 21/11/2017   | 01/01/2019    | Quốc hội         |  |
| 26/2019/NĐ-CP   | - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.  | 08/3/2019  | 25/4/2019     | Chính phủ        |  |
| 105/2022/NĐ-CP  | - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  | 22/12/2022   | 15/01/2023    | Chính phủ        |  |
| 37/2024/NĐ-CP   | - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. | 04/4/2024  | 19/5/2024     | Chính phủ        |  |
| Yêu cầu, điều kiện thực hiện:   |   | - Vị trí là nơi thu hút tàu cá của các địa phương trong tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;   |               |                  |  |



|                                 |   |
|---------------------------------|---|
|                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có diện tích vùng đất cảng từ 0,5 ha trở lên; đối với cảng cá tại đảo, diện tích vùng đất cảng phải từ 0,3 ha trở lên; có nhà làm việc, công trình hạ tầng kỹ thuật đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và phòng, chống cháy, nổ;</li> <li>- Đã thành lập tổ chức quản lý cảng cá;</li> <li>- Có phương án khai thác, sử dụng cảng cá.</li> </ul> |
| <b>Thành phần hồ sơ lưu</b>     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định và các thành phần khác có liên quan;</li> <li>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;</li> <li>- Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ (nếu có);</li> <li>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có).</li> </ul>   |
| <b>Thời gian lưu và nơi lưu</b> | <p>Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại <b>phòng Nông nghiệp và PTNT/ Kinh tế huyện, thị xã, thành phố</b>, thời gian lưu 01 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Văn thư UBND huyện/thị xã/thành phố, lưu trữ theo quy định hiện hành.</p>  |

**Phụ lục I**  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ MỞ CẢNG CÁ**  
*(Kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ MỞ CẢNG CÁ**

Kính gửi: UBND huyện/thị xã/thành phố

- Tổ chức quản lý cảng cá:.....
- Địa chỉ trụ sở: .....
- Số điện thoại: ..... Email ..... Tần số liên lạc.....
- Đề nghị được công bố mở cảng cá với các thông tin như sau:
1. Tên cảng cá: ..... Loại cảng cá: .....
  2. Địa chỉ cảng cá: .....
  3. Chiều dài cầu cảng (mét):.....;
  4. Tọa độ: Vĩ độ: .....N; Kinh độ: .....E
  5. Độ sâu trước cầu cảng (mét).....
  6. Độ sâu vùng nước đậu tàu (mét): .....
  7. Thông tin về luồng vào cảng cá:
    - Tọa độ điểm đầu của luồng: Vĩ độ: .....N; Kinh độ: .....E;
    - Độ sâu luồng (mét):.....; Chiều rộng luồng (mét):.....
  8. Tổng diện tích vùng đất cảng (hecta): .....
  9. Tổng diện tích vùng nước cảng (hecta): .....
  10. Lượng hàng thủy sản (được thiết kế) qua cảng (tấn/năm): .....
  11. Thời gian cảng cá bắt đầu hoạt động (ngày/tháng/năm): .....
  12. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:
    - a) .....
    - b) .....
    - c) .....

(Phương án khai thác cảng cá; danh mục các trang thiết bị chủ yếu phục vụ cho bốc dỡ hàng hóa đối với cảng cá loại I, II tại Phụ lục kèm theo đơn này).

Chúng tôi cam đoan và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định về cảng cá và pháp luật khác có liên quan. Đề nghị quý cơ quan xem xét, công bố mở cảng cá./.

....., ngày..... tháng.... năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

## **Phụ lục**

*(Kèm theo Đơn đề nghị công bố mở cảng cá ngày .... tháng ..... năm...)*

### **A. PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC CẢNG CÁ**

#### **I. NHIỆM VỤ CẦN THỰC HIỆN**

Tổ chức quản lý cảng cá cần bố trí đủ nhân sự thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

1. Điều độ, hướng dẫn, sắp xếp phương tiện ra, vào cảng, neo đậu trong vùng nước cảng cá

- Bảo đảm có bộ phận tiếp nhận thông tin tàu cập cảng, lưu trữ thông tin, thông báo cho các bộ phận có liên quan;

- Bảo đảm có bộ phận hướng dẫn tàu cập cảng, bố trí neo đậu, bốc dỡ sản phẩm...

2. Tổ chức thực hiện giám sát sản lượng bốc dỡ qua cảng

- Thu nhận nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản của tàu cá vào cảng;

- Trực tiếp giám sát sản lượng bốc dỡ qua cảng, lưu trữ dữ liệu;

- Ghi biểu mẫu thống kê nghề cá thương phẩm; thống kê sản lượng thủy sản qua cảng;

- Tổng hợp, báo cáo; lưu trữ dữ liệu theo quy định.....

3. Xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo quy định

Cấp giấy biên nhận, cấp Giấy xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản từ khai thác, lưu trữ dữ liệu.... (nếu có).

4. Phối hợp tham gia công tác kiểm tra, giám sát tại cảng cá

- Bố trí văn phòng, trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tại cảng;

- Cung cấp thông tin cho cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tàu cá tại cảng;

- Cử người tham gia kiểm tra, giám sát....

5. Thông tin

Thông tin về tình hình thời tiết trên hệ thống thông tin của cảng cá; tổ chức trực ban và treo tín hiệu cảnh báo khi có thiên tai theo quy định; thông báo danh sách tàu cá, số người trên tàu đang neo đậu tại vùng nước cảng; tổng hợp, báo cáo theo quy định...

6. Duy tu, bảo dưỡng và duy trì điều kiện hoạt động của cảng

Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng cảng cá đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động trong cảng và các nhiệm vụ khác được phân công....

## II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phân công rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân thuộc tổ chức quản lý cảng cá để thực hiện các nhiệm vụ nêu trên Mục I.

## III. NỘI DUNG KHÁC

.....

## IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Định kỳ hàng năm, 5 năm, tổ chức quản lý cảng cá tiến hành đánh giá kết quả thực hiện Phương án đã được phê duyệt, báo cáo các cơ quan có liên quan.

### B. DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ CHỦ YẾU PHỤC VỤ CHO BỐC DỠ HÀNG HÓA (ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CẢNG CÁ LOẠI I, II)

| TT  | Tên trang thiết bị              | Công suất/<br>năng lực | Cảng cá<br>Loại ..... |
|-----|---------------------------------|------------------------|-----------------------|
| 1   | Cần cẩu cố định hoặc di động    |                        |                       |
| 2   | Xe nâng hàng                    |                        |                       |
| 3   | Băng tải                        |                        |                       |
| 4   | Xe đẩy hàng                     |                        |                       |
| 5   | Cầu xe nâng                     |                        |                       |
| 6   | Phương tiện vận chuyển hàng hóa |                        |                       |
| 7   | Trạm cân                        |                        |                       |
| ... | Khác                            |                        |                       |

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Phụ lục II**  
**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố mở cảng cá**

*(Kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản)*

UBND HUYỆN/THỊ XÃ/  
THÀNH PHỐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố mở cảng cá**

**CHỦ TỊCH UBND HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ**

*Căn cứ* .....  
*Căn cứ* .....  
*Xét đề nghị của* .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Điều 1.** Công bố mở cảng cá (tên cảng cá): .....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại: .....Email.....Tần số liên lạc.....
- Loại cảng cá (I, II, III): .....
  - Tọa độ vị trí của cảng cá: Vĩ độ: .....N; Kinh độ: .....E
  - Tổng chiều dài cầu cảng (mét): .....
  - Thông tin luồng vào cảng:  
- Tọa độ điểm đầu của luồng: Vĩ độ: .....N; Kinh độ: .....E;  
- Độ sâu của luồng (mét): ..... Chiều rộng luồng (mét): .....
  - Độ sâu vùng nước đậu tàu (mét):.....
  - Độ sâu vùng nước trước cầu cảng (mét) .....
  - Tổng diện tích vùng đất cảng (ha):.....
  - Tổng diện tích vùng nước cảng (ha): .....
  - Năng lực bốc dỡ hàng hóa (lượng hàng hóa theo thiết kế (tấn/năm): .....
  - Thời gian cảng cá bắt đầu hoạt động: .....
  - Tên tổ chức quản lý cảng cá : .....
- Địa chỉ..... Điện thoại: ..... Email: .....
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày .....

**Điều 3**....., ..... (*Tổ chức quản lý cảng cá*), Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận:***

- Như Điều...;
- Bộ NN&PTNT/Cục Thủy sản;
- Lưu: VT,...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

*(Chữ ký, dấu)*